



CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 988 /QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 11 tháng 06 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng;
Xét đề nghị của Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 614/TTr-TTg
ngày 27 tháng 5 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng thưởng:

- Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất cho 162 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng
(có Danh sách kèm theo),

*Đã có thời gian 20 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân,
góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.*

- Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhì cho 211 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng
(có Danh sách kèm theo),

*Đã có thời gian 15 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân,
góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.*

- Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba cho 307 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng
(có Danh sách kèm theo),

*Đã có thời gian 10 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân,
góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các cá nhân có tên
trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

KT. CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- VPCTN: CNVP, Website VP;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Lưu: VT, Vụ TĐKT (2).



Đặng Thị Ngọc Thịnh

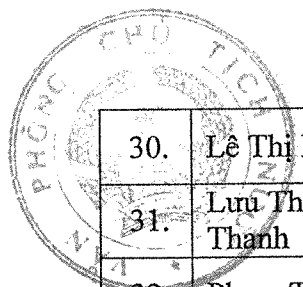
DANH SÁCH
CÁC CÁ NHÂN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG ĐƯỢC CHỦ TỊCH NƯỚC
TẶNG THƯỞNG HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VỆ VANG
(Kèm theo Quyết định số: 988 /QĐ-CTN, ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch nước)

I. HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VỆ VANG HẠNG NHẤT

TT	Họ và tên	Cấp bậc	Chức vụ, đơn vị	Năm sinh	Nhập ngũ	Quê quán
1.	Trần Thị Xuân Nương	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng LLCH, Bộ Tham mưu, Tổng cục II	1974	01/1997	Xã Nguyễn Du, huyện Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
2.	Nguyễn Văn Giang	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng TTLL, Bộ Tham mưu, Tổng cục II	1978	3/1997	Xã Hòa Phong, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
3.	Bùi Minh Đắc	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Bộ Tham mưu, Tổng cục II	1969	5/1997	Xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
4.	Phạm Quang Lưu	Thiếu tá	Trưởng ban, Ban Tài chính, Cục Hậu cần, Tổng cục II	1978	10/1996	Xã Vũ Đoài, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
5.	Nguyễn Duy Mẫn	Đại úy	Lớp trưởng, Tiểu đoàn 3, Trường Cao đẳng Trình sát, Tổng cục II	1977	3/1997	Xã Đông Lĩnh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
6.	Thiều Quang Biển	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần-Kỹ thuật, Học viện KHQS, Tổng cục II	1973	01/1997	Xã Thăng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
7.	Nguyễn Văn Nam	Đại úy	Trợ lý, Ban Sau đại học, Học viện KHQS, Tổng cục II	1977	02/1996	Xã Ba Hàng, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
8.	Nguyễn Ngọc Huân	Thiếu tá	Phó TVQP tại Anh, Cục 25, Tổng cục II	1979	02/1997	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
9.	Nguyễn Đình Sơn	Trung úy CN	Nhân viên lái xe, Phòng Tham mưu, Cục 11, Tổng cục II	1978	02/1997	Xã Minh Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
10.	Lê Anh Tuấn	Thiếu tá	Trợ lý, Phòng 3, Cục 11, Tổng cục II	1977	10/1996	Xã Hoài Thanh Tây, huyện Hoài Nhon, tỉnh Bình Định
11.	Lâm Văn Quyết	Thiếu tá	Trợ lý nghiệp vụ, Phòng 3, Cục 11, Tổng cục II	1978	10/1997	Xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
12.	Nguyễn Khắc Hòa	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Tham mưu, Trung tâm 72, Tổng cục II	1997	3/1997	Xã Tân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

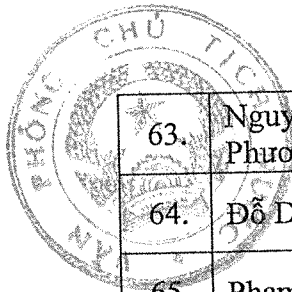
12

13.	Nguyễn Minh Tuấn	Thiếu tá	Trợ lý, Phòng Tham mưu kế hoạch, Cục Kỹ thuật, Tổng cục II	1979	9/1997	Xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
14.	Nguyễn Văn Hùng	Đại úy	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1979	3/1997	Xã Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
15.	Phạm Quang Huy	Thiếu tá	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1979	9/1997	Xã Đông Lĩnh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
16.	Lê Quang Huy	Thượng tá	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1974	9/1996	Xã Phương Xá, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ
17.	Nguyễn Thị Hương	Thiếu tá CN	Nhân viên nghiệp vụ, Phòng C, Tổng cục II	1976	3/1997	Xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
18.	Trần Nhật Tân	Trung tá	Cán bộ nghiệp vụ, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1960	3/1997	Xã Vĩnh Trung, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
19.	Nguyễn Duy Hùng	Đại úy	Cán bộ nghiệp vụ, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1976	3/1996	Xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
20.	Nguyễn Danh Đoàn	Đại úy	Cán bộ nghiệp vụ, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1976	3/1996	Thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
21.	Nguyễn Văn Chuyển	Thiếu tá CN	Nhân viên nghiệp vụ, Lữ đoàn 94, Tổng cục II	1977	3/1996	Xã Xuân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
22.	Lê Thị Sợi	Thiếu tá CN	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 11, Tổng cục II	1970	3/1997	Xã Khánh Hội, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
23.	Hoàng Văn Thao	Thượng úy CN	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 12, Tổng cục II	1976	3/1997	Xã Minh Tân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
24.	Phùng Trung Uy	Thượng úy CN	Nhân viên nghiệp vụ, Trung tâm 701, Tổng cục II	1976	5/1997	Xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá
25.	Mai Thị Gát	Đại úy CN	Nhân viên nghiệp vụ, Trung tâm 701, Tổng cục II	1962	5/1997	Xã Tiên Phong, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
26.	Vũ Tiến Bắc	Thiếu tá	Trợ lý Ban D, Trung tâm 701, Tổng cục II	1979	9/1997	Xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
27.	Nguyễn Đức Toán	Trung úy CN	Nhân Viên, Cụm 35, Trung tâm 75	1972	02/1995	Xã Gia Lạc, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
28.	Dương Minh Châu	Trung tá	Phòng 1, Cục 71, Tổng cục II	1974	8/1992	Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
29.	Nguyễn Văn Thành	Trung tá CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần-Kỹ thuật, Học viện KHQS, Tổng cục II	1970	3/1989	Xã Yên Ninh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định



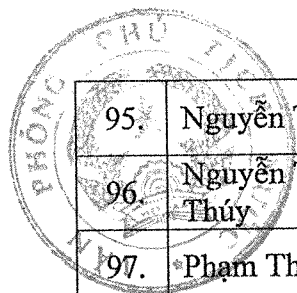
30.	Lê Thị Lục	Đại úy CN	Nhân viên Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 94, Tổng cục II	1975	10/1995	Xã Hương Phong, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
31.	Lưu Thị Phương Thanh	Đại úy CN	Nhân viên Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 94, Tổng cục II	1969	9/1995	Xã Hồng Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
32.	Phạm Thị Điệp	Đại úy CN	Nhân viên Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 94, Tổng cục II	1975	11/1994	Xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
33.	Đỗ Thị Yến Loan	Thiếu tá CN	Nhân viên Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 94, Tổng cục II	1975	11/1994	Xã Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
34.	Trần Hải Dũng	Thượng tá	Phó trưởng phòng; Phòng 5, Cục 16, Tổng cục II	1967	3/1986	Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thị, tỉnh Hưng Yên
35.	Đặng Sỹ Hiếu	Trung tá	Phụ trách phó Trưởng phòng; Phòng 7, Cục 16, Tổng cục II	1977	9/1995	Xã Kỳ Ninh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
36.	Nguyễn Trọng Lâm	Trung tá	Cán bộ nghiệp vụ, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1971	02/1993	Xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
37.	Trần Đức Thắng	Trung tá	Cán bộ nghiệp vụ, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1973	02/1992	Xã Minh Khai, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
38.	Nguyễn Mạnh Thắng	Trung tá	Cán bộ nghiệp vụ, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1976	02/1995	Xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc
39.	Dương Văn Mộc	Đại úy	Cán bộ nghiệp vụ, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1974	02/1994	Xã Cấn Hữu, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
40.	Bùi Đức Hạnh	Thiếu tá	Cán bộ nghiệp vụ, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1975	02/1995	Xã Thuận Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
41.	Phạm Mạnh Hoàng	Thượng tá	Cán bộ nghiệp vụ Trung tâm 701, Tổng cục II	1970	3/1989	Xã Trục Chính, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
42.	Nguyễn Văn Quyền	Thiếu tá	Cán bộ nghiệp vụ, Lữ đoàn K3, Tổng cục II	1971	9/1993	Xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
43.	Ngô Thị Liên	Thiếu tá CN	Nhân viên, phòng Tuyên huấn, Cục Chính trị, Tổng cục II	1957	12/1995	Xã Tiên Hải, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
44.	Đỗ Thị Điền	Trung tá CN	Quản lý, Hệ 6, Học viện KHQS, Tổng cục II	1969	5/1997	Phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
45.	Nguyễn Đăng Toàn	Đại úy CN	Nhân viên, Hệ 6, Học viện KHQS, Tổng cục II	1975	02/1996	Xã Hoàng Đông, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
46.	Tạ Thị Mai Hiền	Trung tá	Trợ lý, phòng Đào tạo, Học viện KHQS, Tổng cục II	1973	7/1995	Xã Viên An, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

47.	Trần Quốc Mưu	Thiếu tá	Trưởng ban, Phòng Đào tạo, Học viện KHQS, Tổng cục II	1979	9/1996	Xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
48.	Trần Văn Dũng	Thiếu tá	Trợ lý, ban KT&ĐBCL GDĐT, Học viện KHQS, Tổng cục II	1979	9/1997	Xã Vũ Lăng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
49.	Hoàng Mạnh Hiền	Thiếu tá	Trợ lý Phòng 9, Cục 25, Tổng cục II	1977	9/1997	Phường Trảng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
50.	Nguyễn Văn Minh	Trung tá	Trợ lý, Phòng 7, Cục 25, Tổng cục II	1977	9/1996	Xã Thanh Cao, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
51.	Hoàng Thị Thanh Trà	Đại úy CN	Nhân viên Phòng Chính trị, Cục 25, Tổng cục II	1969	3/1998	Xã Long Đồng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
52.	Nguyễn Vũ	Đại tá	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 12, Tổng cục II	1970	3/1992	Phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
53.	Phạm Tiến Dũng	Trung tá	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 12, Tổng cục II	1974	10/1994	Xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
54.	Phan Văn Cường	Trung tá	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 11, Tổng cục II	1971	8/1994	Xã Tam Ngọc, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
55.	Lê Văn Chiến	Thiếu tá CN	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 11, Tổng cục II	1978	3/1993	Phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
56.	Hoàng Thanh Hà	Thiếu tá	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 11, Tổng cục II	1978	9/1995	Phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
57.	Nguyễn Thị Hồng	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 94, Tổng cục II	1970	01/1996	Xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
58.	Nguyễn Thị Thuận	Thiếu tá CN	Điều dưỡng trưởng, Khoa Điều trị cán bộ cao cấp Quân đội, Bệnh viện Quân y 175	1972	10/1992	Xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
59.	Trần Hà Hiếu	Thượng tá	Chủ nhiệm khoa, Khoa Nội tiêu hóa, Bệnh viện Quân y 175	1976	12/1986	Xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
60.	Bùi Thị Phương	Đại úy CN	Hộ lý, Khoa Truyền nhiễm, Bệnh viện Quân y 175	1968	02/1993	Xã Thanh Lương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
61.	Nguyễn Văn Tài	Thượng úy CN	Y sĩ, Khoa Lao và bệnh phổi, Bệnh viện Quân y 175	1978	02/1998	Xã Giao Châu, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
62.	Đặng Trần Khang	Trung tá	Bác sĩ, Khoa Tâm thần, Bệnh viện Quân y 175	1977	6/1995	Xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

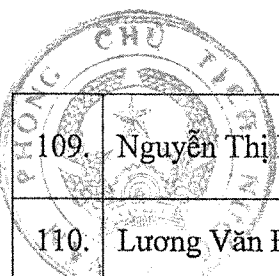


63.	Nguyễn Thị Thu Phương	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Tâm Thần, Bệnh viện Quân y 175	1967	5/1988	Xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
64.	Đỗ Duy Hiền	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Da liễu, Bệnh viện Quân y 175	1963	9/1979	Xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
65.	Phạm Hồng Thủy	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Da liễu, Bệnh viện Quân y 175	1964	10/1982	Xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam
66.	Dương Thị Thu Phương	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Da liễu, Bệnh viện Quân y 175	1965	02/1985	Xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
67.	Giáp Văn Phán	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Da liễu, Bệnh viện Quân y 175	1963	02/1998	Xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
68.	Trần Thị Minh Chuyên	Thiếu tá	Bác sĩ, Khoa Y học cổ truyền, Bệnh viện Quân y 175	1973	01/1998	Xã Nhân Hòa, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
69.	Lê Anh Dũng	Trung tá	Bác sĩ, Khoa Y học cổ truyền, Bệnh viện Quân y 175	1974	8/1996	Xã Hoàng Đức, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
70.	Phạm Phú Sơn	Thượng tá	Bác sĩ, Khoa Bệnh nghề nghiệp, Bệnh viện Quân y 175	1967	7/1987	Xã Phổ Lợi, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi
71.	Nguyễn Thị Thắm	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Khoa Ô xy cao áp, Bệnh viện Quân y 175	1970	3/1988	Thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
72.	Phương Nhật Lệ	Thiếu tá CN	Hộ lý, Trung tâm Chẩn đoán, điều trị ung bướu, Bệnh viện Quân y 175	1974	3/1994	Xã Thanh Tường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
73.	Nguyễn Thị Kim Oanh	Thượng tá	Bác sĩ, Trung tâm Chẩn đoán, điều trị ung bướu, Bệnh viện Quân y 175	1961	4/1995	Xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
74.	Vũ Đăng Quyền	Thiếu tá	Bác sĩ, Khoa Vật lý trị liệu phục hồi chức năng, Bệnh viện Quân y 175	1976	9/1994	Xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
75.	Lương Đình Huy	Thượng tá	Trưởng ban Chính trị, Viện Chấn thương chính hình, Bệnh viện Quân y 175	1974	9/1991	Xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
76.	Nguyễn Thị Yên	Trung tá CN	Điều dưỡng, Viện Chấn thương chính hình, Bệnh viện Quân y 175	1966	02/1985	Xã Đông Tân, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
77.	Lưu Thị Tuyết Nhung	Trung tá CN	Điều dưỡng, Viện Chấn thương chính hình, Bệnh viện Quân y 175	1967	02/1985	Xã Hương Bình, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
78.	Phan Đình Mừng	Trung tá	Chủ nhiệm khoa, Khoa Chi trên, Viện Chấn thương chính hình, Bệnh viện Quân y 175	1976	9/1994	Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

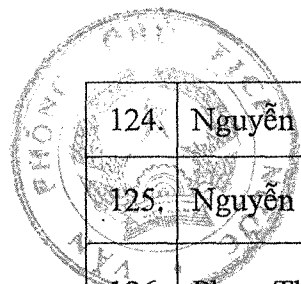
79.	Đỗ Hữu Lương	Trung tá	Chủ nhiệm khoa, Khoa Chi dưới, Viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Quân y 175	1973	9/1992	Xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
80.	Bùi Thị Hằng	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Khoa Ngoại bụng, Bệnh viện Quân y 175	1973	8/1992	Xã Thạch Khê, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
81.	Lê Thị Ngọc Nga	Đại úy CN	Điều dưỡng, Khoa Ngoại lồng ngực, Bệnh viện Quân y 175	1974	5/1997	Xã Hà Thạch, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ
82.	Đinh Ngọc San	Trung tá	Bác sĩ, Khoa Ngoại lồng ngực, Bệnh viện Quân y 175	1971	3/1989	Xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
83.	Trần Hồng Quang	Đại tá	Phó Chủ nhiệm khoa, Khoa Ngoại lồng ngực, Bệnh viện Quân y 175	1968	9/1985	Xã An Nội, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
84.	Bùi Thị Thu Hằng	Thiếu tá CN	Hộ lý, Khoa Ngoại lồng ngực, Bệnh viện Quân y 175	1970	8/1992	Xã Thạch Khê, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
85.	Dương Đức Tuất	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1971	7/1998	Xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
86.	Lê Thanh Bình	Thượng úy CN	Y sĩ, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1977	3/1996	Xã Minh Khôi, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
87.	Dương Thị Niên	Đại úy CN	Điều dưỡng, Khoa Ngoại thần kinh, Bệnh viện Quân y 175	1975	6/1991	Xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
88.	Phạm Đức Ngoạn	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Ngoại thần kinh, Bệnh viện Quân y 175	1962	12/1979	Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
89.	Phạm Thị Khanh	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Mắt, Bệnh viện Quân y 175	1961	12/1979	Xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
90.	Quản Trọng Tổ	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Mắt, Bệnh viện Quân y 175	1961	01/1987	Xã Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
91.	Phan Văn Nhường	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Khoa Mắt hàm, Bệnh viện Quân y 175	1962	12/1979	Xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
92.	Sái Thị Minh Lý	Trung tá CN	Điều dưỡng trưởng, Khoa Tai, mũi, họng, Bệnh viện Quân y 175	1966	9/1992	Xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
93.	Trương Thị Bình	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Tai, mũi, họng, Bệnh viện Quân y 175	1963	9/1982	Xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
94.	Trần Thị Huê	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Tai, mũi, họng, Bệnh viện Quân y 175	1963	10/1979	Xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam



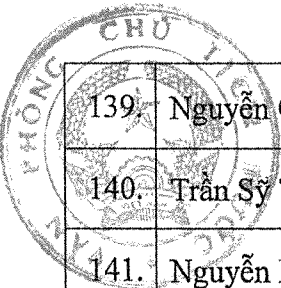
95.	Nguyễn Thị Nhất	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Răng, Bệnh viện Quân y 175	1967	5/1987	Xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre
96.	Nguyễn Thị Diệu Thúy	Thượng úy CN	Y sĩ, Khoa Phụ sản, Bệnh viện Quân y 175	1979	3/1997	Phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
97.	Phạm Thị Phòng	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Quân y 175	1964	1/1/1986	Xã Trục Khang, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
98.	Hồ Ngọc Phát	Thiếu tá	Bác sĩ, Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Quân y 175	1979	9/1997	Xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
99.	Trần Thị Tuyết Mai	Đại tá	Bác sĩ, Khoa Khám bệnh, Bệnh viện Quân y 175	1964	9/1983	Xã Nhân Hưng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
100.	Ngô Văn Phương	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Khoa Cấp cứu lưu, Bệnh viện Quân y 175	1977	3/1997	Xã Yên Định, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
101.	Phan Văn Lượng	Trung tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Huyết học, Bệnh viện Quân y 175	1962	4/1979	Phường Hiệp Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
102.	Vũ Thị Hoàn	Thiếu tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Sinh hóa, Bệnh viện Quân y 175	1969	3/1989	Xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
103.	Sái Thị Hải	Trung tá CN	Hành chính trưởng, Khoa Sinh hóa, Bệnh viện Quân y 175 (Thiếu sinh quân)	1963	12/1979	Xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
104.	Đặng Hùng Cường	Trung tá CN	Hành chính trưởng, Khoa Vi sinh vật, Bệnh viện Quân y 175	1962	9/1979	Xã Hội Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
105.	Lê Thị Nhạ	Trung tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Vi sinh vật, Bệnh viện Quân y 175	1962	9/1979	Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
106.	Nguyễn Lân Tú	Thiếu tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Vi sinh vật, Bệnh viện Quân y 175	1966	8/1992	Xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
107.	Vũ Trọng Bằng	Trung tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Vi sinh vật, Bệnh viện Quân y 175 (Thiếu sinh quân)	1962	10/1978	Xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
108.	Trịnh Thị Kim Nhung	Thiếu tá CN	Dược sĩ, Khoa Giải phẫu bệnh, Bệnh viện Quân y 175	1972	6/1992	Xã Phong Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa



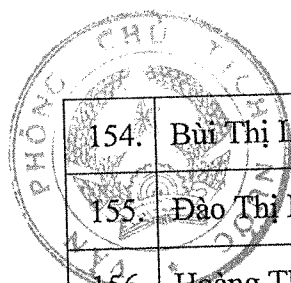
109.	Nguyễn Thị Hòa	Thiếu tá CN	Hành chính trưởng, Khoa Giải phẫu bệnh, Bệnh viện Quân y 175	1973	01/1995	Xã Việt Long, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
110.	Lương Văn Đa	Trung tá	Bác sĩ, Khoa Giải phẫu bệnh, Bệnh viện Quân y 175	1970	01/1987	Xã Hồng Việt, huyện Đông Hung, tỉnh Thái Bình
111.	Phùng An	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Khoa Giải phẫu bệnh, Bệnh viện Quân y 175	1960	02/1977	Phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
112.	Võ Thị Hiền Hạnh	Thượng tá	Bác sĩ, Khoa Chẩn đoán chức năng, Bệnh viện Quân y 175	1964	11/1988	Xã Phú An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế
113.	Lưu Văn Phận	Trung tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Chuẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Quân y 175	1963	02/1982	Phường Thanh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
114.	Trần Văn Minh	Trung tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Quân y 175 (Thiếu sinh quân)	1962	12/1978	Xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
115.	Trương Minh Thương	Trung tá	Bác sĩ, Khoa Chuẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Quân y 175	1976	10/1995	Xã Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
116.	Trần Quyết Thắng	Thiếu tá	Bác sĩ, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Quân y 175	1978	9/1996	Xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
117.	Nguyễn Văn Bé	Thiếu tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Quân y 175	1962	10/1979	Xã Bình Lãng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An
118.	Nguyễn Trung Hậu	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Quân y 175	1965	12/1982	Xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
119.	Nguyễn Thị Kim Dung	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Dinh dưỡng, Bệnh viện Quân y 175	1964	10/1982	Xã Hữu Vĩnh, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
120.	Phạm Thị Kim Liên	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Dinh dưỡng, Bệnh viện Quân y 175	1963	11/1979	Xã Vũ Lăng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
121.	Trần Văn Thuyên	Thiếu tá CN	Nhân viên, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Bệnh viện Quân y 175	1973	6/1992	Xã Tiên Cường, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
122.	Lê Văn Thanh	Đại úy CN	Nhân viên, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Bệnh viện Quân y 175	1974	3/1995	Xã Thợ Hải, huyện Thợ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
123.	Nguyễn Văn Miêng	Trung tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Bệnh viện Quân y 175	1962	02/1982	Xã An Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng



124.	Nguyễn Cảnh Mạnh	Trung tá CN	Nhân viên, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Bệnh viện Quân y 175	1964	01/1985	Xã Thanh Dương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
125.	Nguyễn Thị Lượ	Trung tá CN	Nhân viên, Khoa Tiếp huyết, Bệnh viện Quân y 175	1963	7/1980	Xã Như Hòa, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
126.	Phạm Thị Đan	Trung tá CN	Y sĩ, Khoa Tiếp huyết, Bệnh viện Quân y 175	1964	8/1983	Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
127.	Vũ Thị Hợp	Trung tá CN	Y sĩ, Khoa Tiếp huyết, Bệnh viện Quân y 175	1963	9/1980	Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
128.	Lê Thị Phước	Trung tá CN	Y sĩ, Khoa Tiếp huyết, Bệnh viện Quân y 175	1962	9/1980	Xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
129.	Ngô Thị Lan Phương	Trung tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Tiếp huyết, Bệnh viện Quân y 175	1964	5/1981	Xã Đại Mạch, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
130.	Trần Danh Xuân	Thiếu tá CN	Y sĩ, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1968	8/1985	Xã Thái Bảo, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
131.	Trịnh Văn An	Thượng tá	Trưởng ban Thống kê, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1969	9/1986	Xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
132.	Vũ Hồng Hiệp	Thiếu tá	Trợ lý, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1975	9/1993	Xã Đông Các, huyện Đông Hung, tỉnh Thái Bình
133.	Lê Tất Đạt	Đại úy CN	Bác sĩ, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1976	02/1995	Xã Thanh Bình, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
134.	Nguyễn Xuân Thành	Thiếu tá	Trưởng ban Chỉ đạo tuyến, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1977	9/1996	Xã An Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
135.	Lã Thị Hồng Bắc	Trung tá CN	Nhân viên, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1966	02/1985	Xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
136.	Nguyễn Thị Huệ	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu hành chính, Bệnh viện Quân y 175	1979	02/1997	Xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
137.	Nguyễn Thị Từ	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Tham mưu hành chính, Bệnh viện Quân y 175	1964	8/1992	Xã Thanh Bình, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
138.	Nguyễn Văn Quân	Trung tá	Trợ lý, Phòng Chính trị, Bệnh viện Quân y 175	1976	9/1998	Xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương



139.	Nguyễn Quang Thuận	Thượng tá	Trưởng ban Tuyên huấn, Phòng Chính trị, Bệnh viện Quân y 175	1968	3/1988	Xã Lê Ninh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
140.	Trần Sỹ Tuấn	Trung tá	Trợ lý, Ban Quân lực, Bệnh viện Quân y 175	1978	9/1997	Xã Tiến Thắng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
141.	Nguyễn Hùng Cường	Trung tá	Phó trưởng phòng, Phòng Tài chính, Bệnh viện Quân y 175	1975	10/1998	Xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
142.	Lê Thị Kim Anh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Tài chính, Bệnh viện Quân y 175	1979	7/1997	Xã Hoài Hào, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
143.	Nguyễn Thị Thu Vân	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Tài chính, Bệnh viện Quân y 175	1975	02/1995	Xã Dân Chủ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
144.	Trần Thị Đào	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần kỹ thuật, Bệnh viện Quân y 175	1972	4/1992	Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
145.	Nguyễn Duy Dương	Trung tá CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần kỹ thuật, Bệnh viện Quân y 175	1967	02/1986	Xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
146.	Trần Đăng Khoa	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần kỹ thuật, Bệnh viện Quân y 175	1971	3/1991	Xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
147.	Bùi Thanh Hà	Thiếu tá CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1974	9/1991	Xã Đức Yên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
148.	Nguyễn Đức Chính	Trung úy CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1977	3/1997	Xã Hải Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
149.	Nguyễn Thị Hương	Thiếu tá CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1975	12/1996	Xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
150.	Quản Văn Chi	Đại úy CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1974	3/1997	Xã Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
151.	Nguyễn Thị Thuần	Thiếu tá CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1963	3/1980	Xã Minh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
152.	Trần Thị Bích Lan	Trung tá CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1963	01/1983	Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình
153.	Nguyễn Thị Hương	Thiếu tá CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1961	5/1982	Phường Bích Đào, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

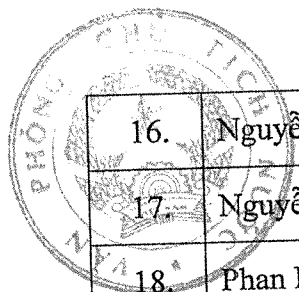


154.	Bùi Thị Lý	Trung tá CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1964	5/1982	Xã Thạch Khê, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
155.	Đào Thị Hồng	Trung tá CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1964	01/1983	Xã Nam Chính, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
156.	Hoàng Thị Kim Liên	Thượng tá	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1964	8/1982	Xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
157.	Lê Xuân Tâm	Thượng úy CN	Kỹ thuật viên, Bệnh viện dã chiến cấp 2, Bệnh viện Quân y 175	1976	02/1998	Xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
158.	Bùi Thị Xoa	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Bệnh viện dã chiến cấp 2, Bệnh viện Quân y 175	1975	4/1994	Xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
159.	Nguyễn Cao Đại	Đại úy CN	Kỹ thuật viên, Bệnh viện dã chiến cấp 2, Bệnh viện Quân y 175	1977	10/1995	Xã Đông Cường, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
160.	Đỗ Hải Yến	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Khoa Vật lý trị liệu phục hồi chức năng, Bệnh viện Quân y 175	1967	6/1986	Xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
161.	Trần Thị Thái	Thiếu tá CN	Trợ lý phòng XNK2, Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	1972	5/1997	Xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
162.	Phùng Thế Dũng	Thượng úy CN	Lái xe, Văn phòng, Công ty Vật liệu nổ Công nghiệp, Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	1977	10/1995	Xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

✍

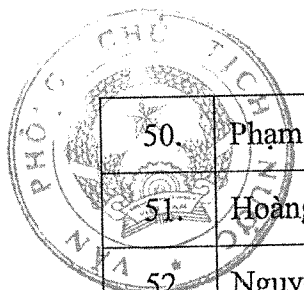
II. HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VẺ VANG HẠNG NHÌ

TT	Họ và tên	Cấp bậc	Chức vụ, đơn vị	Năm sinh	Nhập ngũ	Quê quán
1.	Đỗ Đình Trọng	Thiếu tá	Trợ lý, Phòng Chính trị, Cục 16, Tổng cục II	1977	9/2001	Xã Nghĩa Lợi, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
2.	Nguyễn Văn Tú	Đại úy	Trợ lý, Phòng 5, Cục 16, Tổng cục II	1982	9/2001	Xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
3.	Trịnh Đức Yên	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Tham mưu, Cục Hậu cần, Tổng cục II	1980	02/2001	Xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
4.	Nguyễn Quang Nam	Đại úy	Trợ lý, phòng Đào tạo, trường Cao đẳng Trinh sát, Tổng cục II	1983	9/2002	Xã Nghinh Xuyên, huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ
5.	Mai Văn Tuấn	Trung úy CN	Phòng Kế hoạch tổng hợp, Cục 71, Tổng cục II	1981	3/2002	Xã Tịnh Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
6.	Lê Thị Tuyết	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần-Kỹ thuật, Học viện KHQS, Tổng cục II	1977	02/2002	Xã Hoảng Quý, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
7.	Phan Mạnh Hoàng	Đại úy	Trợ lý, Phòng 9, Cục 25, Tổng cục II	1984	9/2002	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
8.	Vũ Đình Thu	Trung úy CN	Nhân viên, PTM, Cục 25, Tổng cục II	1981	3/2001	Xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
9.	Đỗ Đức Huyền	Đại úy	Trợ lý nghiên cứu, phòng 5, Viện 78, Tổng cục II	1983	9/2001	Thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
10.	Kiều Tiến Đại	Đại úy	Trợ lý, phòng Nghiên cứu Tổng hợp, Trung tâm 72, Tổng cục II	1981	9/2001	Xã Tổng Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
11.	Thiều Quang Sơn	Đại úy	Trợ lý, phòng 5, Cục 11, Tổng cục II	1983	9/2002	Xã Đông Xuân, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
12.	Đỗ Thạch Bình	Đại úy	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1984	9/2002	Xã Liên Hoà, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
13.	Phạm Gia Phương	Đại úy	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1984	9/2002	Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
14.	Nguyễn Tuấn Anh	Trung tá	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1978	01/2002	Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
15.	Nguyễn Hữu Chiến	Thiếu tá	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1979	9/2002	Xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị



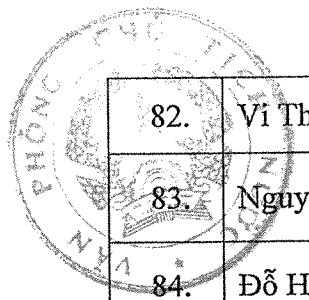
16.	Nguyễn Thị Nga	Đại úy CN	Nhân viên nghiệp vụ, Phòng C, Tổng cục II	1964	10/2001	Xã Thanh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
17.	Nguyễn Duy Chinh	Đại úy	Nhân viên nghiệp vụ, Phòng C, Tổng cục II	1980	02/2002	Xã Khánh Lợi, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
18.	Phan Kiều Hưng	Trung tá	Cán bộ nghiệp vụ, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1974	5/2001	Xã Điện Nam Trung, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
19.	Nguyễn Văn Tú	Thiếu tá	Cán bộ nghiệp vụ, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1958	5/2001	Xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế
20.	Nguyễn Thụ Hương	Thượng úy	Cán bộ nghiệp vụ, Trung tâm 701, Tổng cục II	1981	3/2002	Xã Thụy An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
21.	Nguyễn Văn Kiều	Đại úy	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 11, Tổng cục II	1978	3/2002	Phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
22.	Trần Xuân Thuỷ	Thượng úy CN	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 11, Tổng cục II	1981	02/2002	Xã Đức Thịnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
23.	Vũ Công Hoàng	Đại úy	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1981	9/2001	Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
24.	Phan Thị Hương Quế	Trung tá	Trợ lý, Phòng 5, Cục 16, Tổng cục II	1973	3/1992	Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
25.	Nguyễn Đức Hoài	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Tham mưu, Cục 16, Tổng cục II	1970	5/1999	Xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
26.	Trần Xuân Đỉnh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Tham mưu, Cục 16, Tổng cục II	1969	3/1988	Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
27.	Nguyễn Văn Doanh	Đại úy	Chính trị viên trạm, Cụm 5, Trung tâm 75, Tổng cục II	1978	10/1995	Xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
28.	Hà Thị Hòa	Thiếu Tá	Trợ lý, Phòng 1, Trung tâm 75, Tổng cục II	1976	5/2000	Xã Bao La, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình
29.	Nguyễn Mậu Ánh	Thiếu tá	Phòng 4, Cục 71, Tổng cục II	1979	9/2000	Xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
30.	Nguyễn Thanh Hiếu	Thượng úy	Sĩ quan hoạt động, Đội 7, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1978	3/1999	Phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
31.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Đại úy	Giảng viên, Khoa tiếng Trung, Học viện KHQS, Tổng cục II	1975	02/1999	Xã An Phụ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
32.	Nguyễn Thị Thiêm	Thiếu tá	Giảng viên, Khoa tiếng Trung, Học viện KHQS, Tổng cục II	1975	4/1998	Xã Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

33.	Nguyễn Thái Hùng	Đại tá	Cán bộ, Cục 25, Tổng cục II	1956	5/1974	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
34.	Khương Trung Tuấn	Thiếu tá CN	Nhân viên Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 94, Tổng cục II	1971	02/1992	Xã Tiên Lữ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
35.	Vương Sỹ Thanh	Thiếu tá	Chính trị viên, Đội 2, Lữ đoàn 94, Tổng cục II	1976	10/1996	Xã Tân Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
36.	Nguyễn Anh Tuấn	Đại úy	Bác sĩ điều trị, Bệnh Xá, Cục Hậu cần, Tổng cục II	1975	02/1994	Xã Đông Tân, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
37.	Võ Huy Phúc	Đại úy	Trợ lý nghiệp vụ, Phòng 10, Cục 11, Tổng cục II, Bộ Quốc phòng	1982	09/2000	Xã Mỹ Cát, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định
38.	Ngô Thị Liên	Thiếu tá CN	Nhân viên, phòng Tuyên huấn, Cục Chính trị, Tổng cục II	1957	12/1995	Xã Tiên Hải, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
39.	Nguyễn Thị Dương Nga	Thiếu tá CN	Giảng viên, Khoa K14, Học viện KHQS, Tổng cục II	1980	02/2003	Xã Hà Yên, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
40.	Hoàng Thị Bắc	Thiếu tá CN	Trợ lý, Phòng KHQS, Học viện KHQS, Tổng cục II	1978	8/2002	Xã Đông Hà, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
41.	Trần Thị Thu	Thiếu tá	Trợ lý Phòng 5, Cục 25, Tổng cục II	1974	5/2003	Xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
42.	Trần Trọng Tuấn	Thiếu tá	Trợ lý Phòng Chính trị, Cục 25, Tổng cục II	1984	9/2002	Xã Bình Hòa, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
43.	Cao Ngọc Hà	Đại úy	Trợ lý Phòng 4, Cục 25, Tổng cục II	1983	9/2001	Xã Tân Tiến, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
44.	Trần Ngọc Anh	Đại úy	Trợ lý Phòng 2, Cục 25, Tổng cục II	1983	9/2002	Phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
45.	Trương Quang Huy	Đại úy	Trợ lý Phòng Chính trị, Cục 25, Tổng cục II	1985	10/2003	Xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
46.	Phạm Hữu Phong	Đại úy	Trợ lý Phòng 2, Cục 25, Tổng cục II	1983	9/2003	Xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
47.	Trịnh Hoàng Tuấn	Đại úy	Trợ lý Phòng 9, Cục 25, Tổng cục II	1985	9/2003	Phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
48.	Trần Nhật Tân	Trung tá	Cán bộ nghiệp vụ, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1960	3/1997	Xã Vĩnh Trung, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
49.	Đặng Ngọc Quyền	Thiếu tá	Cán bộ nghiệp vụ, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1980	9/1999	Xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

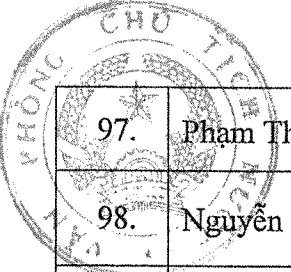


50.	Phạm Tiến Dũng	Đại úy	Cán bộ nghiệp vụ, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1980	3/1999	Xã Văn Hội, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
51.	Hoàng Ngọc Trung	Thượng úy	Cán bộ nghiệp vụ, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1978	3/1999	Xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
52.	Nguyễn Thiện Lương	Đại úy	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 12, Tổng cục II	1982	9/2000	Xã Kiêu Ky, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
53.	Hà Hoài Nam	Đại tá	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 12, Tổng cục II	1959	10/1976	Phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
54.	Nguyễn Xuân Phương	Thượng úy CN	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1980	02/2000	Xã Hoàng Đông, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá
55.	Phạm Cao Hoàng	Đại úy CN	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1978	02/1999	Xã Dũng Tiến, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
56.	Phạm Văn Bình	Đại úy CN	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 11, Tổng cục II	1979	3/1999	Xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
57.	Phạm Văn Khoa	Trung tá	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 11, Tổng cục II	1974	02/1994	Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
58.	Nguyễn Thị Thuận	Thiếu tá CN	Điều dưỡng trưởng, Khoa Điều trị cán bộ cao cấp, Bệnh viện Quân y 175	1972	10/1992	Xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
59.	Nguyễn Thị Kim Oanh	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Khoa Điều trị cán bộ cao cấp, Bệnh viện Quân y 175	1982	3/1991	Xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
60.	Trần Văn Khang	Thiếu tá	Bác sĩ, Khoa Điều trị cán bộ cao cấp, Bệnh viện Quân y 175	1982	6/1995	Thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
61.	Lê Minh	Thiếu tá	Bác sĩ, Khoa Tim, mạch, khớp, nội tiết, Bệnh viện Quân y 175	1978	5/2003	Phường Lạc Đạo, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
62.	Hoàng Văn Thường	Đại tá	Phó Chủ nhiệm khoa, Khoa Tim, mạch, khớp, nội tiết, Bệnh viện Quân y 175	1961	7/1979	Xã Giao Tiến, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
63.	Đào Đức Tiến	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Nội tiêu hóa, Bệnh viện Quân y 175	1982	9/2000	Xã Ninh Thành, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
64.	Nguyễn Thị Hằng Nga	Đại úy CN	Điều dưỡng trưởng, Khoa Nội tiêu hóa, Bệnh viện Quân y 175	1984	8/2002	Xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
65.	Nguyễn Thị Ngọc Sương	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Khoa Nội tiêu hóa, Bệnh viện Quân y 175	1974	7/2002	Xã Thanh Tân, huyện Kiện Xương, tỉnh Thái Bình

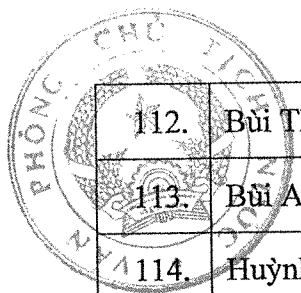
66.	Nguyễn Thị Thảo	Trung úy CN	Y sĩ, Khoa Truyền nhiễm, Bệnh viện Quân y 175	1977	02/2003	Xã Vũ Quang, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ
67.	Hoàng Thị Dương	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Khoa Truyền nhiễm, Bệnh viện Quân y 175	1967	8/1985	Xã Tiên Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
68.	Nguyễn Xuân Thảo	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Truyền nhiễm, Bệnh viện Quân y 175	1977	3/2002	Xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
69.	Trương Như Quân	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Truyền nhiễm, Bệnh viện Quân y 175	1984	9/2002	Xã Nghi Hải, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An
70.	Đặng Trần Khang	Trung tá	Bác sĩ, Khoa Tâm thần, Bệnh viện Quân y 175	1977	6/1995	Xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
71.	Tạ Vương Khoa	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Nội thần kinh, Bệnh viện Quân y 175	1975	9/2002	Xã Tây An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
72.	Đỗ Duy Hiền	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Da liễu, Bệnh viện Quân y 175	1963	9/1979	Xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
73.	Trương Thị Hồng	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Nhi, Bệnh viện Quân y 175	1967	12/1982	Xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
74.	Nguyễn Thị Khi	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Khoa Nhi, Bệnh viện Quân y 175	1960	12/1977	Xã Phú Khương, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
75.	Đào Minh Tân	Đại úy CN	Điều dưỡng trưởng, Khoa Nhi, Bệnh viện Quân y 175	1984	12/2004	Xã Nam Thắng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
76.	Nguyễn Thị Mai	Thiếu tá CN	Y sĩ, Khoa Y học cổ truyền, Bệnh viện Quân y 175	1975	11/1998	Xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
77.	Đặng Thanh Phương	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Thận - Lọc máu, Bệnh viện Quân y 175	1985	9/2002	Phường Cẩm Thanh, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam
78.	Nguyễn Thị Thắm	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Khoa Ô xy cao áp, Bệnh viện Quân y 175	1970	3/1988	Thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
79.	Vũ Quân	Đại úy	Bác sĩ, trung tâm Chẩn đoán, điều trị ung bướu, Bệnh viện Quân y 175	1983	9/2002	Xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
80.	Phương Nhất Lệ	Thiếu tá CN	Hộ lý, Trung tâm Chẩn đoán, điều trị ung bướu, Bệnh viện Quân y 175	1974	3/1994	Xã Thanh Tường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
81.	Nguyễn Thị Hương	Đại úy CN	Điều dưỡng, trung tâm Chẩn đoán điều trị ung bướu, Bệnh viện Quân y 175	1979	11/1994	Xã Hải An, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa



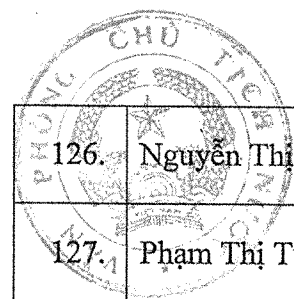
82.	Vĩ Thị Hoa	Đại úy CN	Điều dưỡng, trung tâm Chẩn đoán điều trị ung bướu, Bệnh viện Quân y 175	1978	9/2002	Xã Chi Lăng, huyện Đông Mô, tỉnh Lạng Sơn
83.	Nguyễn Thị Dung	Đại úy CN	Kỹ thuật viên, Khoa Vật lý trị liệu phục hồi chức năng, Bệnh viện Quân y 175	1978	8/2001	Xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
84.	Đỗ Hải Yến	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Khoa Vật lý trị liệu phục hồi chức năng, Bệnh viện Quân y 175	1967	6/1986	Xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
85.	Nguyễn Thanh Nga	Thiếu tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Vật lý trị liệu phục hồi chức năng, Bệnh viện Quân y 175	1978	12/2001	Xã Liên Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
86.	Nguyễn Thị Yên	Trung tá CN	Điều dưỡng, Viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Quân y 175	1966	02/1985	Xã Đông Tân, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
87.	Lê Phước Cường	Đại úy	Bác sĩ, Viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Quân y 175	1983	9/2001	Xã Quảng Vinh, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế
88.	Phạm Xuân Tuấn	Đại úy	Bác sĩ, Viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Quân y 175	1982	9/2001	Xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
89.	Lưu Thị Tuyết Nhung	Trung tá CN	Điều dưỡng, Viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Quân y 175	1972	02/1985	Xã Hương Bình, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
90.	Nguyễn Văn Bình	Thiếu tá	Bác sĩ, Viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Quân y 175	1981	9/2000	Xã Việt Long, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
91.	Bùi Thị Hiền	Thượng úy CN	Điều dưỡng trưởng, Viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Quân y 175	1972	7/2002	Xã Cấn Hữu, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
92.	Nguyễn Thông Phán	Đại úy	Bác sĩ, Viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Quân y 175	1980	9/2002	Xã Hồng Thái, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
93.	Nguyễn Thị Ngọc	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Khoa Ngoại Tiết niệu, Bệnh viện Quân y 175	1960	01/1979	Xã Nghĩa Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
94.	Nguyễn Thị Hiền	Đại úy CN	Y sĩ, Khoa Ngoại Tiết niệu, Bệnh viện Quân y 175	1981	3/2002	Xã An Hiệp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
95.	Nguyễn Thành Nam	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Ngoại bụng, Bệnh viện Quân y 175	1979	02/2000	Phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
96.	Trương Đức Cường	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Ngoại bụng, Bệnh viện Quân y 175	1983	8/2001	Xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An



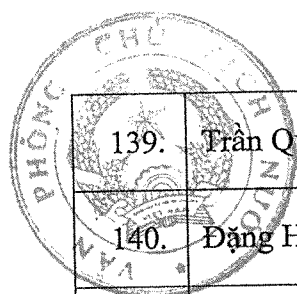
97.	Phạm Thị Phương	Đại úy CN	Điều dưỡng trưởng, Khoa Ngoại bụng, Bệnh viện Quân y 175	1981	9/2002	Xã An Đô, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
98.	Nguyễn Thị Thanh Hà	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Khoa Ngoại bụng, Bệnh viện Quân y 175	1973	11/1979	Xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
99.	Lê Thị Ngọc Nga	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Khoa Ngoại lồng ngực, Bệnh viện Quân y 175	1974	5/1997	Xã Hà Thạch, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ
100.	Bùi Thị Thu Hằng	Thiếu tá CN	Hộ lý, Khoa Ngoại lồng ngực, Bệnh viện Quân y 175	1970	8/1992	Xã Thạch Khê, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
101.	Nông Hữu Thọ	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Ngoại lồng ngực, Bệnh viện Quân y 175	1984	9/2002	Xã Tân Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
102.	Ngô Thị Bích Tiên	Thiếu tá CN	Điều dưỡng trưởng, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1976	3/2002	Xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
103.	Trần Văn Ngọc	Trung úy CN	Y sĩ, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1981	02/2001	Xã Mỹ Tân, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
104.	Tổng Quang Thu	Trung úy CN	Y sĩ, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1981	02/2001	Xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
105.	Phùng Văn Việt	Trung tá	Bác sĩ, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1973	9/1992	Xã Nhon An, huyện An Nhon, tỉnh Bình Định
106.	Hà Thị Ngọc Bích	Đại úy CN	Y sĩ, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1969	8/1994	Xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
107.	Trần Thị Tiến	Thượng úy CN	Hộ lý, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1968	3/1999	Phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
108.	Phạm Đức Ngoạn	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa phẫu thuật thần kinh, Bệnh viện Quân y 175	1962	12/1979	Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
109.	Trần Diễm Tâm	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa phẫu thuật thần kinh, Bệnh viện Quân y 175	1962	12/1979	Xã Vũ Phúc, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
110.	Phạm Thị Khanh	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Mắt, Bệnh viện Quân y 175	1964	12/1979	Xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
111.	Ngô Thị Hồng Huế	Thiếu tá	Bác sĩ, Khoa Mắt, Bệnh viện Quân y 175	1977	11/2001	Xã Xuân Tân, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định



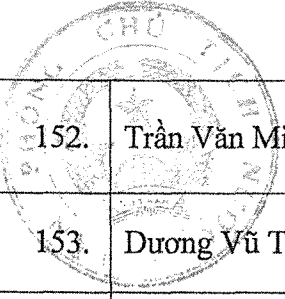
112.	Bùi Thị Oanh	Trung úy CN	Y sĩ, Khoa Mắt, Bệnh viện Quân y 175	1982	9/2002	Xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
113.	Bùi Anh Phong	Trung úy CN	Y sĩ, Khoa Mắt, Bệnh viện Quân y 175	1981	02/2001	Xã Đại Hưng, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
114.	Huỳnh Đình Toàn	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Mắt hàm, Bệnh viện Quân y 175	1961	12/1979	Phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Vĩnh Long
115.	Phan Văn Nhường	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Khoa Mắt hàm, Bệnh viện Quân y 175	1962	12/1979	Xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
116.	Sái Thị Minh Lý	Trung tá CN	Điều dưỡng trưởng, Khoa Tai, mũi, họng, Bệnh viện Quân y 175	1966	12/1982	Xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
117.	Trương Thị Bình	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Tai, mũi, họng, Bệnh viện Quân y 175	1963	9/1982	Xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
118.	Đậu Thị Linh	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Tai, mũi, họng, Bệnh viện Quân y 175	1984	9/2002	Xã Diễn Mỹ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
119.	Nguyễn Thái Sơn	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Tai, mũi, họng, Bệnh viện Quân y 175	1982	9/2000	Xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
120.	Trần Thị Huê	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Tai, mũi, họng, Bệnh viện Quân y 175	1963	10/1979	Xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
121.	Đỗ Thị Hiền	Đại úy CN	Điều dưỡng, Khoa Tai, mũi, họng, Bệnh viện Quân y 175	1968	8/2002	Xã Tân Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
122.	Nguyễn Thị Nhất	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Răng, Bệnh viện Quân y 175	1967	5/1987	Xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre
123.	Lê Văn Hải	Trung úy CN	Y sĩ, Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Quân y 175	1981	01/2001	Xã Phú Lý, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
124.	La Thị Oanh	Thiếu tá CN	Bác sĩ, Khoa khám bệnh, Bệnh viện Quân y 175	1973	4/2000	Xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
125.	Lê Thị Mai Hoa	Đại úy CN	Điều dưỡng trưởng Khoa khám bệnh, Bệnh viện Quân y 175	1974	01/2001	Xã Hoàng Thịnh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa



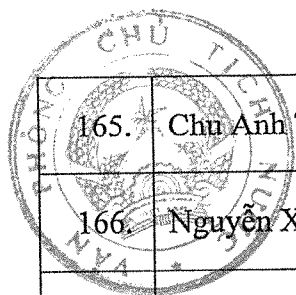
126.	Nguyễn Thị Thu	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa khám bệnh, Bệnh viện Quân y 175	1963	5/1985	Xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
127.	Phạm Thị Tuyết	Trung tá CN	Bác sĩ, Khoa khám bệnh, Bệnh viện Quân y 175	1967	5/1985	Xã Việt Hùng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
128.	Nguyễn Thị Nhuận	Đại úy CN	Điều dưỡng, Khoa Cấp cứu lưu, Bệnh viện Quân y 175	1979	8/2001	Xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
129.	Nguyễn Gia Long	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Cấp cứu lưu, Bệnh viện Quân y 175	1983	3/2002	Xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
130.	Huỳnh Văn Chính	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Cấp cứu lưu, Bệnh viện Quân y 175	1981	3/2002	Xã Nhơn Mỹ, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định
131.	Đặng Thị Hằng	Thượng tá CN	Điều dưỡng trưởng, Khoa Cấp cứu lưu, Bệnh viện Quân y 175	1967	02/1985	Thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
132.	Phạm Xuân Trường	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Khoa Cấp cứu lưu, Bệnh viện Quân y 175	1982	02/2001	Xã Yên Trung, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
133.	Phan Đình Văn	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Khoa Cấp cứu lưu, Bệnh viện Quân y 175	1975	3/2003	Xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
134.	Nguyễn Phú Khánh	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Sinh hóa, Bệnh viện Quân y 175	1983	9/2002	Xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
135.	Vũ Thị Hoàn	Thiếu tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Sinh hóa, Bệnh viện Quân y 175	1969	3/1989	Xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
136.	Phạm Thị Hải Bình	Trung úy CN	Dược sĩ, Khoa Sinh hóa, Bệnh viện Quân y 175	1983	02/2003	Xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
137.	Sái Thị Hải	Trung tá CN	Hành chính trưởng, Khoa Sinh hóa, Bệnh viện Quân y 175 (Thiếu sinh quân)	1963	12/1979	Xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
138.	Nguyễn Thanh Tùng	Thiếu tá	Phó chủ nhiệm khoa, Khoa Sinh hóa, Bệnh viện Quân y 175	1982	9/2001	Phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội



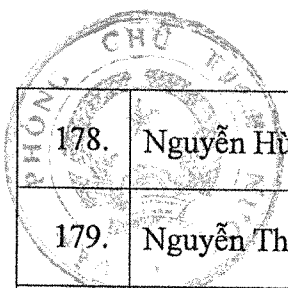
139.	Trần Quang Huy	Trung úy CN	Kỹ thuật viên, Khoa Sinh hóa, Bệnh viện Quân y 175	1983	02/2003	Xã Yên Thành, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
140.	Đặng Hùng Cường	Trung tá CN	Hành chính trưởng, Khoa Vi sinh vật, Bệnh viện Quân y 175	1962	9/1979	Xã Hội Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
141.	Lê Thùy Dương	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Vi sinh vật, Bệnh viện Quân y 175	1984	10/2002	Xã Kim Sơn, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
142.	Kiều Thị Hương	Đại úy CN	Kỹ thuật viên, Khoa Vi sinh vật, Bệnh viện Quân y 175	1981	10/2001	Xã Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
143.	Phạm Văn Tuấn	Trung úy CN	Kỹ thuật viên, Khoa Vi sinh vật, Bệnh viện Quân y 175	1981	3/2002	Xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
144.	Nguyễn Lân Tú	Thiếu tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Vi sinh vật, Bệnh viện Quân y 175	1966	8/1992	Xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
145.	Vũ Trọng Bằng	Trung tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Vi sinh vật, Bệnh viện quân y 175 (Thiếu sinh quân)	1962	10/1978	Xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
146.	Luong Văn Đa	Trung tá	Bác sĩ, Giải phẫu bệnh, Bệnh viện quân y 75	1970	01/1987	Xã Hồng Việt, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
147.	Lê Thành Trung	Trung úy CN	Kỹ thuật viên, Khoa Giải phẫu bệnh, Bệnh viện Quân y 175	1972	02/2000	Xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
148.	Nguyễn Xuân Phúc	Thiếu tá CN	Nhân viên, Khoa Giải phẫu bệnh, Bệnh viện Quân y 175	1969	7/1995	Xã Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
149.	Nguyễn Thị Hòa	Thiếu tá CN	Hành chính trưởng, Khoa Giải phẫu bệnh, Bệnh viện Quân y 175	1973	01/1995	Xã Việt Long, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
150.	Ngô Thị Yên	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Khoa Chẩn đoán chức năng, Bệnh viện Quân y 175	1974	10/2002	Xã Hợp Tiến, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
151.	Lưu Văn Phận	Trung tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Quân y 175	1963	02/1982	Xã Thanh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh



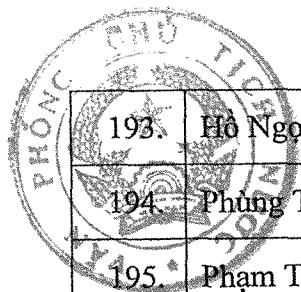
152.	Trần Văn Minh	Trung tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Quân y 175 (Thiếu sinh quân)	1962	12/1978	Xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
153.	Dương Vũ Trường Đạt	Trung úy CN	Kỹ thuật viên, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Quân y 175	1978	02/2001	Xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
154.	Nguyễn Trung Hậu	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Quân y 175	1965	12/1982	Xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
155.	Lê Văn Nghiêm	Trung úy CN	Kỹ thuật viên, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Quân y 175	1980	02/2001	Xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
156.	Trịnh Quốc Triệu	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Quân y 175	1982	9/2002	Xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
157.	Nguyễn Thị Kim Dung	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Dinh dưỡng, Bệnh viện Quân y 175	1964	10/1982	Xã Hữu Vĩnh, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
158.	Phạm Thị Kim Liên	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Dinh dưỡng, Bệnh viện Quân y 175	1963	11/1979	Xã Vũ Lăng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
159.	Nguyễn Thị Thu	Trung úy CN	Y sĩ, Khoa Dinh dưỡng, Bệnh viện Quân y 175	1982	7/2000	Xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
160.	Trần Văn Thuyên	Thiếu tá CN	Nhân viên, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Bệnh viện Quân y 175	1973	6/1992	Xã Tiên Cường, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
161.	Phạm Thị Đan	Trung tá CN	Y sĩ, Khoa Tiếp huyết, Bệnh viện Quân y 175	1964	8/1983	Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
162.	Vũ Thị Hợp	Trung tá CN	Y sĩ, Khoa Tiếp huyết, Bệnh viện Quân y 175	1964	9/1980	Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
163.	Phạm Thị Loan	Trung tá CN	Hành chính trưởng, Khoa Tiếp huyết, Bệnh viện Quân y 175	1976	4/2001	Xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
164.	Nguyễn Văn Thanh	Thượng úy CN	Y sĩ, Khoa Tiếp huyết, Bệnh viện Quân y 175	1982	3/1999	Xã Nghĩa Thắng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định



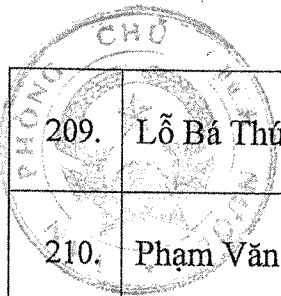
165.	Chu Anh Tùng	Đại tá	Trưởng phòng, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1963	10/1980	Xã Tâm Hồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
166.	Nguyễn Xuân Thành	Thiếu tá	Phụ trách ban Chỉ đạo tuyến, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1977	9/1996	Xã An Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
167.	Lã Thị Hồng Bắc	Trung tá CN	Nhân viên, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1966	02/1985	Xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
168.	Lê Thị Hồng Nhung	Đại úy CN	Điều dưỡng, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1978	02/2002	Xã Trung Sơn Trầm, huyện Trung Sơn, thành phố Hà Nội
169.	Nguyễn Xuân Thắng	Trung tá CN	Hành chính trưởng, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1973	3/1991	Xã Đình Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
170.	Trần Danh Xuân	Thiếu tá CN	Y sỹ, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1968	8/1985	Xã Thái Bảo, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
171.	Vũ Kim Cương	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1981	02/2001	Xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
172.	Vũ Anh Tùng	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1982	3/2002	Xã Nga Sơn, huyện Nga Thiện, tỉnh Thanh Hóa
173.	Vũ Sơn Giang	Thiếu tá	Trưởng ban Cán bộ, Phòng Chính trị, Bệnh viện Quân y 175	1982	9/2001	Xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
174.	Nguyễn Hoàng Hà	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Chính trị, Bệnh viện Quân y 175	1979	3/2003	Xã Yên Khánh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
175.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trung tá CN	Nhân viên, Phòng Tài chính, Bệnh viện Quân y 175	1975	3/2000	Xã Ngọc Động, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
176.	Lê Thị Kim Anh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Tài chính, Bệnh viện Quân y 175	1979	7/1997	Xã Hoài Hào, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
177.	Nguyễn Thị Minh Lý	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Tài chính, Bệnh viện Quân y 175	1964	8/1996	Xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội



178.	Nguyễn Hùng Cường	Trung tá	Phó Trưởng phòng, Phòng Tài chính, Bệnh viện Quân y 175	1975	10/1998	Xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
179.	Nguyễn Thị Minh Huệ	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Tài chính, Bệnh viện Quân y 175	1978	9/2000	Xã Quỳnh Đô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
180.	Lương Xuân Tổ	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Tài chính, Bệnh viện Quân y 175	1973	11/1999	Phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
181.	Nguyễn Thị Thu Vân	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Tài chính, Bệnh viện Quân y 175	1979	02/1995	Xã Dân Chủ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
182.	Nguyễn Thế Bình	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần kỹ thuật, Bệnh viện Quân y 175	1981	02/2000	Thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Thanh Hóa
183.	Đặng Mạnh Thường	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần kỹ thuật, Bệnh viện Quân y 175	1976	02/1995	Thị trấn Tứ Trung, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
184.	Trần Thị Đào	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần kỹ thuật, Bệnh viện Quân y 175	1972	4/1992	Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
185.	Bùi Trung Kiên	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần kỹ thuật, Bệnh viện Quân y 175	1977	02/1988	Thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
186.	Lê Trọng Ngân	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần kỹ thuật, Bệnh viện Quân y 175	1983	3/2002	Xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
187.	Nguyễn Văn Hùng	Đại úy	Trợ lý, Phòng Hậu cần kỹ thuật, Bệnh viện Quân y 175	1983	9/2001	Xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
188.	Nguyễn Thị Từ	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Tham mưu hành chính, Bệnh viện Quân y 175	1964	3/1990	Xã Thanh Bình, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
189.	Nguyễn Thị Huệ	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu hành chính, Bệnh viện Quân y 175	1979	02/1997	Xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thanh Hóa
190.	Ninh Xuân Hạnh	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu hành chính, Bệnh viện Quân y 175	1973	02/1994	Xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
191.	Trần Sỹ Tuấn	Trung tá	Trợ lý, Ban Quân lực, Bệnh viện Quân y 175	1978	9/1997	Xã Tiến Thắng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
192.	Nguyễn Tường Duy	Đại úy	Trợ lý, trung tâm Huấn luyện đào tạo, Bệnh viện Quân y 175	1983	9/2001	Xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Mỹ, tỉnh Quảng Ngãi



193.	Hồ Ngọc Diệp	Đại úy	Trợ lý, TT Huấn luyện đào tạo, Bệnh viện Quân y 175	1984	9/2002	Xã Tân Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre
194.	Phùng Thị Kim Tuyến	Trung úy CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1981	9/2000	Xã Liên Châu, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
195.	Phạm Thị Ngọc	Thượng úy CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1982	8/2002	Xã Nam Thanh, huyện Trục Nam, tỉnh Nam Định
196.	Đinh Thị Huyền Chi	Thiếu tá CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1975	9/1996	Xã Tân Khánh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
197.	Nguyễn Thị Hương	Thiếu tá CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1975	12/1996	Xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
198.	Nguyễn Thị Thuần	Thiếu tá CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1963	3/1980	Xã Minh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
199.	Nguyễn Thế Thanh Hà	Đại úy	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1980	6/2003	Xã Tiến Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
200.	Nguyễn Thị Hường	Thiếu tá CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1961	5/1982	Phường Bích Đào, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
201.	Lê Thị Hồng Vân	Thượng úy CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1975	8/2001	Xã Hương Bình, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
202.	Nguyễn Xuân Long	Thiếu tá	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1978	9/1999	Xã Trung Châu, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
203.	Trần Phạm Thị Cẩm Thơ	Đại úy CN	Nhân viên, Ban Quản lý dự án, Bệnh viện Quân y 175	1982	3/2003	Xã Hà Nam, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh
204.	Bùi Thị Xoa	Đại úy CN	Y sĩ, Bệnh viện dã chiến cấp 2, Bệnh viện Quân y 175	1975	4/1994	Xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
205.	Nguyễn Thìn Cường	Đại úy CN	Kỹ sư, Bệnh viện dã chiến cấp 2, Bệnh viện Quân y 175	1977	02/1997	Xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
206.	Bùi Văn Tuấn	Đại úy CN	Điều dưỡng, Bệnh viện dã chiến cấp 2, Bệnh viện Quân y 175	1978	4/2002	Xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
207.	Nguyễn Xuân Trường	Trung úy CN	Nhân viên, Bệnh viện dã chiến cấp 2, Bệnh viện Quân y 175	1985	4/2002	Xã Hải Long, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
208.	Dương Văn Tú	Trung úy CN	Lái xe, Văn phòng, Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	1983	02/2003	Xã Nguyễn Úy, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam



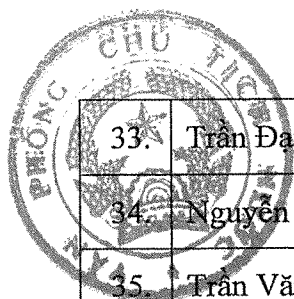
209.	Lỗ Bá Thứ	Thượng tá	Phó Chủ nhiệm Chính trị, Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	1969	3/1988	Xã Đôn Nhân, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
210.	Phạm Văn Chiến	Trung úy CN	Nhân viên, Công ty TNHH MTV Cơ khí Z179, Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	1982	02/2001	Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
211.	Nguyễn Ngọc Quyên	Thiếu tá CN	Phó trưởng ban HSSV>VL, Công ty ĐTN-XNKLD, Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	1978	7/2001	Xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội



III. HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VÊ VANG HẠNG BA

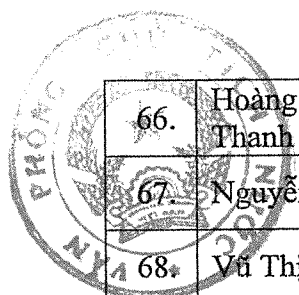
TT	Họ và tên	Cấp bậc	Chức vụ, đơn vị	Năm sinh	Nhập ngũ	Quê quán
1.	Lê Thị Tú Oanh	Thượng úy	Trợ lý, Phòng 3, Viện B26, Tổng cục II	1988	9/2006	Xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
2.	Nguyễn Chí Thanh	Đại úy	Trợ lý, Phòng TTLL, Bộ Tham mưu, Tổng cục II	1989	9/2007	Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
3.	Cao Anh Tiền	Thượng úy	Trợ lý, Cụm 4, Trung tâm 75, Tổng cục II	1983	9/2007	Xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
4.	Đào Công Văn	Thượng úy	Trợ lý, Cụm 5, Trung tâm 75, Tổng cục II	1989	9/2007	Phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
5.	Nguyễn Đình Thịnh	Trung úy CN	Nhân viên, Cụm 5, Trung tâm 75, Tổng cục II	1988	10/2007	Phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
6.	Nguyễn Văn Cường	Trung úy CN	Nhân viên, Cụm 5, Trung tâm 75, Tổng cục II	1988	10/2006	Xã Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
7.	Võ Văn Thìn	Thượng úy	Đội trưởng, Cụm 35, Trung tâm 75, Tổng cục II	1989	9/2007	Xã Nghĩa Đồng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
8.	Nguyễn Quốc Quân	Trung úy CN	Phòng Kế hoạch tổng hợp, Cục 71, Tổng cục II	1986	10/2006	Xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
9.	Trương Trọng Đoàn	Đại úy	Trợ lý, phòng 3, Viện B26, Tổng cục II	1981	12/2007	Xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
10.	Hoàng Thị Ngọc Minh	Đại úy	Giảng viên, Khoa tiếng Trung, Học viện KHQS, Tổng cục II	1988	9/2006	Xã Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
11.	Đỗ Văn Quý	Trung úy CN	Nhân viên, phòng Tham mưu, Trung tâm 72, Tổng cục II	1988	3/2007	Xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
12.	Nguyễn Thị Hạnh	CNVQP	Nhân viên, Ban Tuyên huấn, Phòng Chính trị, Cục 11, Tổng cục II	1982	11/2007	Xã Hải Hòa, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị
13.	Trương Thị Thiên Nga	Đại úy CN	Nhân viên, phòng 5, Cục 11, Tổng cục II	1980	11/2007	Xã Bình Lục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam
14.	Nguyễn Quốc Tuấn	Trung úy CN	Nhân viên nghiệp vụ, Lữ đoàn K3, Tổng cục II	1987	3/2007	Xã Phường Quán Bầu, thành Phố Vinh, tỉnh Nghệ An
15.	Nguyễn Doãn Trường	Trung úy CN	Nhân viên nghiệp vụ, Lữ đoàn K3, Tổng cục II	1987	3/2007	Xã Hưng Yên Bắc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

16.	Phan Thanh Hùng	Trung úy	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1989	9/2007	Xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
17.	Nguyễn Thị Hương	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1984	3/2007	Xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
18.	Đỗ Văn Quyết	Đại úy	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1978	8/2007	Xã Tân Dân, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương
19.	Nguyễn Hoàng Mạnh	Đại úy CN	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1976	7/2006	Xã An Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
20.	Hoàng Văn Thao	Trung úy CN	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1984	7/2006	Xã Duy Phiên, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc
21.	Bùi Xuân Mai	Trung sĩ	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1987	02/2006	Xã Cẩm Quý, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá
22.	Nguyễn Lương Tùng	Thượng úy	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 25- Tổng cục II	1986	9/2007	Xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
23.	Trần Thị Thanh	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Phòng C, Tổng cục II	1980	5/2006	Xã Quảng Liên, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
24.	Vũ Văn Dung	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Phòng C, Tổng cục II	1960	02/2006	Xã Thanh Hương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
25.	Nguyễn Thị Hằng	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Phòng C, Tổng cục II	1976	10/2006	Xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
26.	Hồ Quang Minh	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 11, Tổng cục II	1971	9/2006	Xã Duy An, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
27.	Trần Văn Thắng	Trung úy CN	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 11, Tổng cục II	1987	3/2006	Xã Yên Từ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
28.	Phan Minh Đạt	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 11, Tổng cục II	1970	01/2007	Xã Long Hà, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre
29.	Nguyễn Tiến Dũng	Thượng úy	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 11, Tổng cục II	1983	3/2007	Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
30.	Y Diên Mlô Duôn Du	Trung úy	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 11, Tổng cục II	1984	7/2006	Xã Ea Nam, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk
31.	Nguyễn Thị Thuý	Trung úy CN	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 11, Tổng cục II	1984	8/2007	Xã Quảng Long, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
32.	Nguyễn Văn Mai	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 12, Tổng cục II	1950	3/2006	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

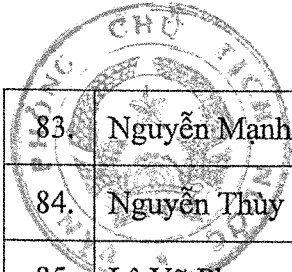


33.	Trần Đại Nghĩa	Trung úy	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 12, Tổng cục II	1988	9/2006	Xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
34.	Nguyễn Kiên Cường	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 12, Tổng cục II	1982	8/2006	Xã Yên Quang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
35.	Trần Văn An	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Trung tâm 701, Tổng cục II	1969	9/2006	Xã Yên Lương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
36.	Nguyễn Tuấn Anh	Thượng úy	Trợ lý, Ban A, Cục 16, Tổng cục II	1987	9/2005	Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
37.	Trần Thị Hồng Phượng	CNVQP	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Cục 16, Tổng cục II	1974	7/2004	Phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
38.	Phùng Thị Kim Loan	CNVQP	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Cục 16, Tổng cục II	1979	12/2004	Xã Vật Lại, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
39.	Phạm Thị Xuyên	CNVQP	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Cục 16, Tổng cục II	1982	7/2004	Xã Việt Hùng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
40.	Nguyễn Thị Bưởi	CNVQP	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Cục 16, Tổng cục II	1962	7/2004	Xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
41.	Bùi Thị Bích Trâm	CNVQP	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Cục 16, Tổng cục II	1981	7/2004	Xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
42.	Vũ Văn Vượng	Thượng úy	Trợ lý, Cục 35, Trung tâm 75, Tổng cục II	1983	02/2003	Xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
43.	Nguyễn Văn Doanh	Đại úy	Chính trị viên trạm, Cục 5, Trung tâm 75, Tổng cục II	1978	10/1995	Xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
44.	Lê Văn Quyết	Đại úy	Trợ lý, phòng Tham mưu, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1985	02/2004	Xã Đông Vinh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
45.	Lê Thanh Danh	Trung úy CN	Nhân viên đặc nhiệm, Đội 1, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1984	02/2005	Thị trấn Nông Công, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa
46.	Nguyễn Thị Thuần	Trung tá	Giảng viên, Khoa tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, Học viện KHQS, Tổng cục II	1971	9/1993	Phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
47.	Hà Nguyễn Hằng Nga	Đại úy	Chủ nhiệm Bộ môn, Khoa tiếng Trung, Học viện KHQS, Tổng cục II	1981	7/2004	Xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
48.	Bùi Hồng Hà	Thiếu tá	Trợ lý, Phòng 2, Cục 25, Tổng cục II	1981	11/2003	Xã Xuân Hòa, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định

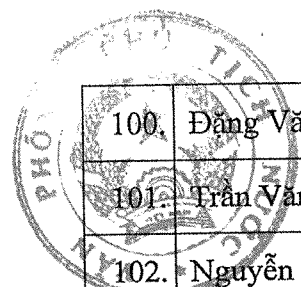
49.	Ngô Thị Lan Anh	Thiếu tá	Trợ lý, Phòng 5, Cục 25, Tổng cục II	1980	02/2002	Xã Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
50.	Nguyễn Đình Chiến	Đại úy	Trợ lý, Phòng 5, Cục 25, Tổng cục II	1986	9/2004	Xã Mê Linh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
51.	Nguyễn Thái Hùng	Đại tá	Cán bộ, Cục 25, Tổng cục II	1956	5/1974	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
52.	Trần Trọng Tuấn	Đại úy	Trợ lý, Cục 25, Tổng cục II	1984	9/2002	Xã Bình Hòa, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
53.	Đỗ Đức Huyền	Đại úy	Trợ lý nghiên cứu, phòng 5, Viện 78, Tổng cục II	1983	9/2001	Thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
54.	Nguyễn Thị Phụng	Thượng úy CN	Nhân viên, phòng Hậu cần, Lữ đoàn K3, Tổng cục II	1976	01/2004	Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
55.	Dương Thị Phụng	Thượng úy CN	Nhân viên, phòng Hậu cần, Lữ đoàn K3, Tổng cục II	1983	3/2004	Xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
56.	Vũ Thị Bích Liên	Thượng úy CN	Nhân viên, phòng Chính trị, Lữ đoàn K3, Tổng cục II	1981	01/2004	Xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
57.	Nguyễn Thị Thúy Hoàn	Trung úy CN	Nhân viên, phòng Hậu cần, Lữ đoàn K3, Tổng cục II	1977	10/2005	Xã Phù Yên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
58.	Vương Sỹ Thanh	Thiếu tá	Chính trị viên, Đội 2, Lữ đoàn 94, Tổng cục II	1976	10/1996	Xã Tân Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
59.	Khuong Trung Tuấn	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 94, Tổng cục II	1971	02/1992	Xã Tiên Lữ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
60.	Y Hữu Ê Ban	Thượng úy	Trợ lý nghiệp vụ, Phòng 10, Cục 11, Tổng cục II	1983	4/2004	Xã Đắc Liêng, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk
61.	Đặng Thị Minh	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Cục 11, Tổng cục II	1978	01/2004	Xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
62.	Đoàn Thị Hoài Nhung	Thiếu tá CN	Bếp trưởng, Hệ 6, Học viện KHQS, Tổng cục II	1973	7/1997	Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
63.	Nguyễn Thị Huệ	CNVQP	Nhân viên, Hệ 6, Học viện KHQS, Tổng cục II	1978	02/2004	Xã Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
64.	Lê Hữu Phương	Đại úy	Giáo viên, Khoa Lý luận Mác-Lênin, Học viện KHQS, Tổng cục II	1978	8/2005	Xã Thiệu Lý, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
65.	Lê Thị Thu Hà	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Đào tạo, Học viện KHQS, Tổng cục II	1977	6/2002	Xã Tân Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa



66.	Hoàng Thị Phương Thanh	CNVQP	Nhân viên, Phòng Đào tạo, Học viện KHQS, Tổng cục II	1984	02/2004	Xã Tiên Phong, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
67.	Nguyễn Hữu Túc	Thiếu tá	Trợ lý, Phòng 3, Viện B26, Tổng cục II	1981	6/2006	Xã An Mỹ, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
68.	Vũ Thị Yên	Thượng úy	Trợ lý, Phòng 3, Viện B26, Tổng cục II	1990	9/2008	Xã Vinh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
69.	Đặng Lê Huy	Thượng úy	Trợ lý, Ban Tham mưu, Viện B26, Tổng cục II	1989	8/2007	Xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
70.	Trần Thị Thúy	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Trung tâm T1, Tổng cục II	1971	12/2004	Xã Yên Sơn, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
71.	Trịnh Thị Tám Hương	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Trung tâm 75, Tổng cục II	1978	02/2000	Phường Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
72.	Nguyễn Vũ Trung	Thượng úy	Trợ lý, Ban Kỹ thuật, Cụm 3, Trung tâm 75, Tổng cục II	1987	02/2006	Xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
73.	Đào Công Văn	Thượng úy	Trợ lý, Phòng 4, Trung tâm T1, Tổng cục II	1989	9/2007	Xã An Hòa, huyện Ninh Phong, tỉnh Ninh Bình
74.	Bùi Tiến Đồng	Trung úy	Trợ lý, Phòng 6, Trung tâm T1, Tổng cục II	1989	9/2007	Xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc
75.	Lê Nguyên Viễn	Đại úy	Trợ lý, Phòng 6, Trung tâm T1, Tổng cục II	1985	6/2004	Xã Điện Hồng, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
76.	Hoàng Công Thành	Trung úy CN	Lái xe, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 94, Tổng cục II	1986	02/2006	Xã Công Bình, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
77.	Hoàng Thị Huệ	CNVQP	Nhân viên, Tiểu đoàn 4, Trường Cao đẳng Trinh sát, Tổng cục II	1983	02/2004	Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
78.	Trần Nhật Tân	Trung tá	Cán bộ nghiệp vụ, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1960	3/1997	Xã Vĩnh Trung, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
79.	Sùng Seo Cao	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1970	9/2004	Xã Lữ Thầu, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai
80.	Tòng Văn Hà	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1981	9/2004	Xã Noong Luống, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
81.	Vừ A Sính	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1973	9/2004	Xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên
82.	Đào Xuân Cường	Thiếu tá	Cán bộ nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1977	8/2005	Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên

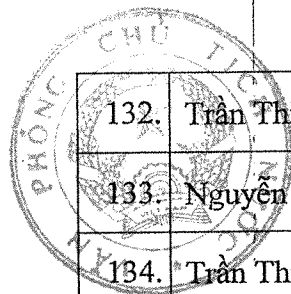


83.	Nguyễn Mạnh Cường	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1977	5/2003	Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
84.	Nguyễn Thủy Trang	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1980	9/2002	Xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
85.	Lê Võ Phương Mai	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1981	8/2001	Xã Triệu Tài, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị
86.	Lê Thị Huệ	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1961	7/1995	Xã Lộc Tiến, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
87.	Đồng Thị Hường	Thiếu tá CN	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 16, Tổng cục II	1968	9/1997	Xã Liên Hòa, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
88.	Phan Bá Nghĩa	Thiếu tá	Cán bộ nghiệp vụ, Phòng C, Tổng cục II	1979	9/1998	Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
89.	Phan Anh Kiệt	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 12, Tổng cục II	1966	11/2001	Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
90.	Lê Trung	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 12, Tổng cục II	1971	11/2001	Xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
91.	Phan Quyết Thắng	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 12, Tổng cục II	1971	6/2004	Xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
92.	Nguyễn Thị Minh Hồng	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 12, Tổng cục II	1971	11/1999	Xã Ba Tri, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
93.	Nguyễn Duy Thắng	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 12, Tổng cục II	1980	5/2004	Xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
94.	Nguyễn Duy Sơn	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 11, Tổng cục II	1974	11/2000	Phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
95.	Vũ Minh Huệ	CNVQP	Nhân viên nghiệp vụ, Cục 11, Tổng cục II	1974	9/2004	Xã Toàn Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
96.	Ngô Thị Liên	Thiếu tá CN	Nhân viên, phòng Tuyên huấn, Cục Chính trị, Tổng cục II	1957	12/1995	Xã Tiên Hải, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
97.	Phan Kiều Hưng	Trung tá	Cán bộ nghiệp vụ, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1974	5/2001	Xã Điện Nam Trung, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
98.	Nguyễn Văn Tú	Thiếu tá	Cán bộ nghiệp vụ, Lữ đoàn 74, Tổng cục II	1958	5/2001	Xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế
99.	Hoàng Thị Kim Oanh	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Khoa điều trị cán bộ cao cấp Quân đội, Bệnh viện Quân y 175	1982	11/2004	Xã Thanh Luận, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang



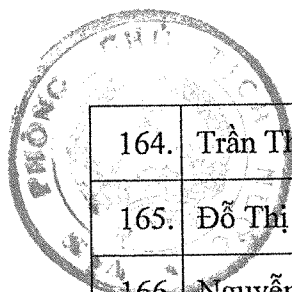
100.	Đặng Văn Thanh	Đại úy	Bác sĩ, Khoa điều trị cán bộ cao cấp Quân đội, Bệnh viện Quân y 175	1985	9/2004	Xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
101.	Trần Văn Khang	Thiếu tá	Bác sĩ, Khoa Điều trị cán bộ cao cấp Quân đội, Bệnh viện Quân y 175	1982	6/1995	Thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
102.	Nguyễn Thị Hiền	Đại úy CN	Hộ lý, Khoa Tim, mạch, khớp, nội tiết, Bệnh viện Quân y 175	1973	8/1992	Xã Tuyên Hóa, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
103.	Hoàng Ngọc Cường	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Tim, mạch, khớp, nội tiết, Bệnh viện Quân y 175	1986	9/2004	Xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
104.	Tạ Anh Hoàng	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Tim, mạch, khớp, nội tiết, Bệnh viện Quân y 175	1988	6/2006	Thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
105.	Phạm Thị Hương	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Khoa Tim, mạch, khớp, nội tiết, Bệnh viện Quân y 175	1980	01/2005	Xã Hà Thạch, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
106.	Hồ Thị Lê	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Tim, mạch, khớp, nội tiết, Bệnh viện Quân y 175	1987	9/2005	Xã Quỳnh Lộc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
107.	Nguyễn Hoàng Khải	Thiếu tá	Bác sĩ, Khoa Nội tiêu hóa, Bệnh viện Quân y 175	1978	4/2006	Xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
108.	Nguyễn Thế Dũng	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Nội tiêu hóa, Bệnh viện Quân y 175	1988	9/2007	Thị trấn Nam Sách, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
109.	Trần Văn Hiền	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Nội tiêu hóa, Bệnh viện Quân y 175	1987	9/2007	Xã Hà Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
110.	Bùi Thị Phương	Đại úy CN	Hộ lý, Khoa Truyền nhiễm, Bệnh viện Quân y 175	1968	02/2003	Xã Thanh Lương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
111.	Nguyễn Văn Trung	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Truyền nhiễm, Bệnh viện Quân y 175	1986	02/2005	Xã Thạch Lạc, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
112.	Nguyễn Xuân Thảo	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Truyền nhiễm, Bệnh viện Quân y 175	1977	3/2002	Xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
113.	Trương Thanh Tùng	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Lao và bệnh phổi, Bệnh viện Quân y 175	1986	9/2004	Phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
114.	Hoàng Thanh Toàn	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Lao và bệnh phổi, Bệnh viện Quân y 175	1986	9/2004	Xã Duy Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
115.	Bùi Thị Ngọc	Đại úy CN	Điều dưỡng trưởng, Khoa Lao và bệnh phổi, Bệnh viện Quân y 175	1982	01/2006	Xã Thanh Lương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

116.	Nguyễn Minh Thế	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Lao và bệnh phổi, Bệnh viện Quân y 175	1989	9/2007	Xã Hòa Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
117.	Đặng Trần Khang	Trung tá	Bác sĩ, Khoa Tâm thần, Bệnh viện Quân y 175	1977	6/1995	Xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
118.	Vũ Giang Thanh	Đại úy CN	Điều dưỡng, Khoa Nội thần kinh, Bệnh viện Quân y 175	1979	11/2003	Xã Kỳ Hà, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
119.	Lại Văn Bình	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Nội thần kinh, Bệnh viện Quân y 175	1987	02/2006	Xã Bình Hòa, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
120.	Phan Đình Văn	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Nội thần kinh, Bệnh viện Quân y 175	1988	9/2003	Xã Thanh Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
121.	Phí Ngọc Dương	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Nội thần kinh, Bệnh viện Quân y 175	1988	9/2006	Xã Đông Á, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
122.	Trịnh Đỗ Trung Thành	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Khoa Nội thần kinh, Bệnh viện Quân y 175	1983	01/2006	Xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
123.	Hoàng Tiến Trọng Nghĩa	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Nội thần kinh, Bệnh viện Quân y 175	1986	9/2004	Xã Phú Phương, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
124.	Đào Xuân Ngọc	Đại úy CN	Y sĩ, Khoa Nội thần kinh, Bệnh viện Quân y 175	1974	3/1996	Xã Lam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
125.	Lê Thị Vân Kiều	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Khoa Da liễu, Bệnh viện Quân y 175	1981	10/2004	Xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
126.	Bùi Thị Tâm	Thượng úy CN	Y sĩ, Khoa Y học cổ truyền, Bệnh viện Quân y 175	1972	11/2003	Xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
127.	Lê Thị Cẩm Tú	Đại úy CN	Điều dưỡng trưởng, Khoa Y học cổ truyền, Bệnh viện Quân y 175	1984	5/2005	Xã An Thới, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre
128.	Lâm Mỹ Hằng	Thiếu tá	Bác sĩ, Khoa Chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ TW, Bệnh viện Quân y 175	1977	02/2006	Xã Hàm Cường, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận
129.	Đỗ Thị Quang	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ TW, Bệnh viện Quân y 175	1985	02/2008	Xã Vụ Quang, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ
130.	Nguyễn Thị Bích Dung	Đại úy CN	Điều dưỡng trưởng, Khoa Chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ TW, Bệnh viện Quân y 175	1983	11/2004	Xã Gia Hanh, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
131.	Trịnh Thị Thơm	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Thận - Lọc máu, Bệnh viện Quân y 175	1983	02/2008	Xã Thụy Duyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình



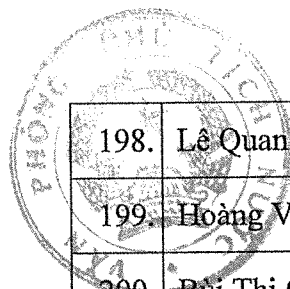
132.	Trần Thị Vân Anh	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Thận - Lọc máu, Bệnh viện Quân y 175	1965	02/2002	Xã Xuân Trung, huyện Xuân Trưởng, tỉnh Nam Định
133.	Nguyễn Thị Thu Lan	Trung úy CN	Y sĩ, Khoa Thận - Lọc máu, Bệnh viện Quân y 175	1986	12/2006	Xã Yên Phong, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
134.	Trần Thị Hoa	Trung úy CN	Điều dưỡng trưởng, Khoa Thận - Lọc máu, Bệnh viện Quân y 175	1985	3/2006	Xã Yên Thành, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
135.	Lê Thị Thanh	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Thận - Lọc máu, Bệnh viện Quân y 175	1985	9/2004	Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
136.	Phùng Đình Cường	Trung úy CN	Điều dưỡng trưởng, Khoa Thận - Lọc máu, Bệnh viện Quân y 175	1977	3/2003	Xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
137.	Dương Xuân Minh	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Thận - Lọc máu, Bệnh viện Quân y 175	1986	9/2004	Xã Nga Tiến, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
138.	Nguyễn Công Bình	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Thận - Lọc máu, Bệnh viện Quân y 175	1985	9/2004	Xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
139.	Phạm Thị Thúy	Trung úy CN	Điều dưỡng trưởng, Khoa Thận - Lọc máu, Bệnh viện Quân y 175	1979	01/2007	Xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
140.	Võ Thị Ngọc Tâm	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Bệnh nghề nghiệp, Bệnh viện Quân y 175	1984	4/2008	Xã Bình Đông, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang
141.	Nguyễn Quyết Thắng	Trung úy CN	Y sĩ, trung tâm Chẩn đoán điều trị ung bướu, Bệnh viện Quân y 175	1984	02/2003	Xã Hà Châu, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
142.	Nguyễn Đăng Huy	Thượng úy	Bác sĩ, trung tâm Chẩn đoán, điều trị ung bướu, Bệnh viện Quân y 175	1988	9/2006	Thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
143.	Nguyễn Minh Nghĩa	Thượng úy	Bác sĩ, trung tâm Chẩn đoán điều trị ung bướu, Bệnh viện Quân y 175	1987	9/2006	Xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
144.	Nguyễn Thị Dung	Đại úy CN	Điều dưỡng, trung tâm Chẩn đoán, điều trị ung bướu, Bệnh viện Quân y 175	1978	11/1994	Xã Hải An, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
145.	Vũ Quân	Đại úy	Bác sĩ, trung tâm Chẩn đoán, điều trị ung bướu, Bệnh viện Quân y 175	1986	9/2002	Xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
146.	Đỗ Anh Trang	Trung úy CN	Điều dưỡng trưởng, trung tâm Chẩn đoán, điều trị ung bướu, Bệnh viện Quân y 175	1984	10/2006	Xã Yên Phú, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
147.	Phương Nhất Lệ	Thiếu tá CN	Hộ lý, trung tâm Chẩn đoán, điều trị ung bướu, Bệnh viện Quân y 175	1974	3/1994	Xã Thanh Tường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

148.	Phạm Thị Thanh Xuân	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Khoa Vật lý trị liệu phục hồi chức năng, Bệnh viện Quân y 175	1982	01/2005	Xã Hưng Lam, huyện, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
149.	Nguyễn Thanh Nga	Thiếu tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Vật lý trị liệu phục hồi chức năng, Bệnh viện Quân y 175	1978	3/2001	Xã Liên Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
150.	Vũ Thị Bích Thủy	Trung úy CN	Kỹ thuật viên, Khoa Vật lý trị liệu phục hồi chức năng, Bệnh viện quân y 175	1982	02/2007	Xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
151.	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Vật lý trị liệu phục hồi chức năng, Bệnh viện Quân y 175	1984	3/2006	Xã Văn Tổ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
152.	Nguyễn Ánh Sang	Thượng úy	Bác sĩ, Viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Quân y 175	1988	9/2006	Xã Đông Hưng Thuận, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
153.	Trần Đăng Khoa	Đại úy	Bác sĩ, Viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Quân y 175	1985	9/2007	Xã Vũ Tiến, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
154.	Thái Ngọc Bình	Đại úy	Bác sĩ, Viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Quân y 175	1985	9/2003	Xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
155.	Thân Văn Hùng	Thượng úy	Bác sĩ, Viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Quân y 175	1988	9/2004	Xã Hồng Thái, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
156.	Nguyễn Diệu Thùy Linh	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Quân y 175	1986	11/2003	Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
157.	Ngô Quốc Hoàn	Thượng úy	Bác sĩ, Viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Quân y 175	1988	9/2006	Xã Khánh Hải, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
158.	Phạm Xuân Tuấn	Đại úy	Bác sĩ, Viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Quân y 175	1985	9/2001	Xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
159.	Lê Thị Yến	Trung úy CN	Nhân viên, Viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Quân y 175	1982	11/2003	Xã Nghĩa Nam, huyện Trục Nam, tỉnh Nam Định
160.	Phan Văn Trường	Thượng úy	Bác sĩ, Viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Quân y 175	1988	9/2003	Xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
161.	Võ Văn Nguyên	Thượng úy	Bác sĩ, Viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Quân y 175	1988	9/2005	Xã Thạch Hải, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
162.	Trần Hoài Nam	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Ngoại Tiết niệu, Bệnh viện Quân y 175	1987	9/2007	Xã Thạch Tâm, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
163.	Hoàng Trung Nghĩa	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Ngoại Tiết niệu, Bệnh viện Quân y 175	1988	9/2007	Xã Việt Cường, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên



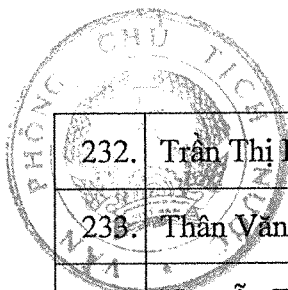
164.	Trần Thị Hồng Chiên	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Ngoại Tiết niệu, Bệnh viện Quân y 175	1985	9/2005	Xã Tân Thành, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
165.	Đỗ Thị Mùi	Đại úy CN	Hộ lý, Khoa Ngoại bụng, Bệnh viện Quân y 175	1967	01/1991	Phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
166.	Nguyễn Thành Nam	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Ngoại bụng, Bệnh viện Quân y 175	1980	9/2004	Xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
167.	Tổng Đức Trường	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Ngoại bụng, Bệnh viện Quân y 175	1987	02/2006	Phường Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
168.	Đinh Thị Thanh Hoa	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Khoa Ngoại bụng, Bệnh viện Quân y 175	1980	11/2004	Xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
169.	Phạm Thị Tựa	Đại úy CN	Hộ lý, Khoa Ngoại bụng, Bệnh viện Quân y 175	1963	8/1994	Xã Nam Thắng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
170.	Nguyễn Thị Huệ	Trung úy CN	Hộ lý, Khoa Ngoại bụng, Bệnh viện Quân y 175	1985	8/2002	Xã Nghĩa Đồng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
171.	Nguyễn Văn Mạnh	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Ngoại bụng, Bệnh viện Quân y 175	1989	9/2006	Xã Tiên Cường, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
172.	Nguyễn Hoàng Gia	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Ngoại bụng, Bệnh viện Quân y 175	1988	9/2007	Xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
173.	Vũ Thị Điệp	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Khoa Ngoại bụng, Bệnh viện Quân y 175	1979	10/2005	Xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
174.	Phan Quang Thịnh	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Ngoại bụng, Bệnh viện Quân y 175	1987	9/2005	Xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
175.	Lê Thị Ngọc Nga	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Khoa Ngoại lồng ngực, Bệnh viện Quân y 175	1974	5/1997	Xã Hà Thạch, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ
176.	Phan Thị Thanh Hoa	Đại úy CN	Điều dưỡng trưởng, Khoa Ngoại lồng ngực, Bệnh viện Quân y 175	1983	01/2005	Xã Thạch Lâm, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
177.	Nguyễn Doãn Thái Hung	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Ngoại lồng ngực, Bệnh viện Quân y 175	1988	9/2006	Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
178.	Lê Minh Tân	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Ngoại lồng ngực, Bệnh viện Quân y 175	1984	9/2004	Xã Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang
179.	Nguyễn Việt Cường	Trung úy	Bác sĩ, Khoa Ngoại lồng ngực, Bệnh viện Quân y 175	1988	9/2007	Xã Hộ Phòng, huyện Gia Rai, tỉnh Bạc Liêu
180.	Hoàng Thị Hiền	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1986	7/2007	Phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

181.	Trần Thị Thanh Xuân	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1983	7/2007	Xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
182.	Phùng Văn Việt	Trung tá	Bác sĩ, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1975	9/1992	Xã Nhon An, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định
183.	Dương Thị Lưu	Thượng úy CN	Y sĩ, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1980	3/2003	Xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
184.	Lê Thanh Bình	Thượng úy CN	Y sĩ, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1980	3/1996	Xã Minh Khôi, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
185.	Phạm Thị Ngọc Ánh	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1982	3/2008	Phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
186.	Phạm Thị Thanh Vân	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1987	9/2007	Xã Thạch Xuân, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
187.	Trần Thị Tiến	Thượng úy CN	Hộ lý, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1968	3/1999	Phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
188.	Phạm Ngọc Quảng	Trung tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1978	3/1997	Xã Thái Hồng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
189.	Nguyễn Văn Thiều	Trung úy CN	Y sĩ, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1984	02/2004	Xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
190.	Phan Văn Giàu	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1985	10/2004	Xã Phú Đức, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp
191.	Ngô Xuân Luân	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1986	02/2005	Xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
192.	Bùi Thị Dương	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1983	01/2005	Xã Ninh Thành, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
193.	Đỗ Thị Hệ	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1980	01/2006	Xã Việt Cường, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
194.	Tổng Quang Thu	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1981	02/2001	Xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
195.	Đặng Hữu Thắng	Trung úy CN	Y sĩ, Y sĩ, Khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Quân y 175	1980	02/2000	Xã Thạch Lâm, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
196.	Lê Thị Thủy	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Mắt, Bệnh viện Quân y 175	1986	10/2004	Xã Dương Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
197.	Mai Thanh Huyền	Thượng úy CN	Điều dưỡng trưởng, Khoa Mắt, Bệnh viện Quân y 175	1983	11/2004	Xã Ninh Hòa, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

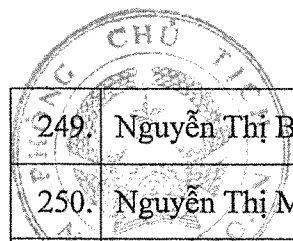


198.	Lê Quang Thụy	Thiếu tá	Bác sĩ, Khoa Mắt, Bệnh viện Quân y 175	1978	11/2004	Xã Tây Vinh, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
199.	Hoàng Văn Hạnh	Thiếu tá	Bác sĩ, Khoa Mắt, Bệnh viện Quân y 175	1978	6/2005	Phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
200.	Bùi Thị Oanh	Trung úy CN	Y sĩ, Khoa Mắt, Bệnh viện Quân y 175	1982	9/2002	Xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
201.	Nguyễn Thị Hương	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Khoa Mắt, Bệnh viện Quân y 175	1982	12/2004	Xã Gia Hạnh, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
202.	Đinh Thị Hoa	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Khoa Mắt hàm, Bệnh viện Quân y 175	1985	11/2004	Xã Thạch Lâm, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
203.	Nguyễn Thị Nguyệt Hoa	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Khoa Tai, mũi, họng, Bệnh viện Quân y 175	1978	01/2005	Xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
204.	Nguyễn Thị Huyền Thương	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Khoa Tai, mũi, họng, Bệnh viện Quân y 175	1985	10/2005	Xã Thanh Tiên, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
205.	Trần Thị Huê	Trung tá CN	Điều dưỡng, Khoa Tai, mũi, họng, Bệnh viện Quân y 175	1963	10/1979	Xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
206.	Trần Quang Thành	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Tai, mũi, họng, Bệnh viện Quân y 175	1985	02/2004	Xã Thái Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
207.	Đậu Thị Linh	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Tai, mũi, họng, Bệnh viện Quân y 175	1984	9/2002	Xã Diễn Mỹ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
208.	An Quang Vũ	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Tai, mũi, họng, Bệnh viện Quân y 175	1988	9/2006	Xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
209.	Nguyễn Quốc Tuấn	Thiếu tá CN	Điều dưỡng, Khoa Tai, mũi, họng, Bệnh viện Quân y 175	1971	02/1992	Xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa
210.	Hoàng Thị Chính	Trung úy CN	Hộ lý, Khoa Tai, mũi, họng, Bệnh viện Quân y 175	1970	01/2007	Xã Hợp Hòa, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
211.	Tạ Quang Sinh	Trung úy CN	Y sĩ, Y sĩ, Khoa Răng, Bệnh viện Quân y 175	1982	02/2006	Xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
212.	Từ Thanh Bình	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Mắt hàm, Bệnh viện Quân y 175	1986	9/2006	Xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
213.	Đỗ Văn Tú	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Mắt hàm, Bệnh viện Quân y 175	1989	9/2007	Xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
214.	Hoàng Văn Hiến	Trung úy CN	Y sĩ, Y sĩ, Khoa Răng, Bệnh viện Quân y 175	1985	02/2005	Xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

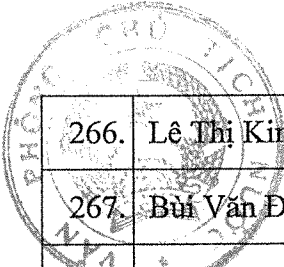
215.	Nguyễn Sơn Hải	Trung úy	Bác sĩ, Khoa Phụ sản, Bệnh viện Quân y 175	1988	9/2007	Xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
216.	Nguyễn Thị Huyền Trang	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Phụ sản, Bệnh viện Quân y 175	1985	02/2006	Xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng
217.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Phụ sản, Bệnh viện Quân y 175	1982	01/2007	Xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
218.	Phạm Thị Thu Lan	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Phụ sản, Bệnh viện Quân y 175	1980	02/2006	Xã Phương Trung, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
219.	Phạm Thị Dung	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Phụ sản, Bệnh viện Quân y 175	1978	02/2006	Xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
220.	Nguyễn Việt Cường	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Quân y 175	1980	01/2005	Xã Yên Thọ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
221.	Trịnh Đức Thọ	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Quân y 175	1975	02/2004	Xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
222.	Phạm Tất Đạt	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Quân y 175	1987	5/2005	Xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
223.	Phạm Trường Thanh	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Quân y 175	1988	9/2006	Xã Tân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
224.	Nguyễn Quang Tường	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Quân y 175	1988	9/2007	Xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
225.	Dương Quốc Khánh	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Quân y 175	1983	9/2004	Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
226.	Diệp Hồng Kháng	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Quân y 175	1985	9/2003	Xã Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
227.	Lê Tấn Phát	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Quân y 175	1985	02/2005	Xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
228.	La Thị Oanh	Trung úy CN	Bác sĩ, Khoa Khám bệnh, Bệnh viện Quân y 175	1973	4/2000	Xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
229.	Trần Thị Vân Anh	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Khám bệnh, Bệnh viện Quân y 175	1981	01/2006	Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
230.	Lê Phương Nga	Thượng úy CN	Điều dưỡng, Khoa Khám bệnh, Bệnh viện Quân y 175	1975	01/2003	Xã Nhơn Nghĩa A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
231.	Nguyễn Gia Long	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Cấp cứu lưu, Bệnh viện Quân y 175	1983	3/2002	Xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An



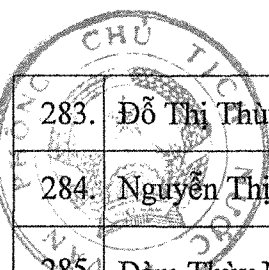
232.	Trần Thị Hằng	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Cấp cứu lưu, Bệnh viện Quân y 175	1993	12/2003	Xã Dân Chủ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
233.	Thân Văn Dũng	Trung úy CN	Kỹ thuật viên, Khoa Huyết học, Bệnh viện Quân y 175	1986	02/2006	Xã Hồng Thái, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
234.	Nguyễn Thị Sen	Thượng úy CN	Kỹ thuật viên, Khoa Huyết học, Bệnh viện Quân y 175	1979	01/2007	Xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
235.	Trương Thị Ngọc Hà	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Huyết học, Bệnh viện Quân y 175	1987	9/2007	Xã Thạch Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
236.	Phạm Thanh Thủy	Trung tá CN	Hộ lý, Khoa Huyết học, Bệnh viện Quân y 175	1973	9/1993	Xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
237.	Đặng Hùng Cường	Trung tá CN	Hành chính trưởng, Khoa Vi sinh vật, Bệnh viện Quân y 175	1962	9/1979	Xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
238.	Lê Thị Nhạ	Trung tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Vi sinh vật, Bệnh viện Quân y 175	1962	9/1979	Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
239.	Vũ Trọng Bằng	Trung tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Vi sinh vật, Bệnh viện Quân y 175 (Thiếu sinh quân)	1962	10/1978	Xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam Ninh
240.	Trần Minh Hải	Trung úy CN	Kỹ thuật viên, Khoa Giải phẫu bệnh, Bệnh viện Quân y 175	1982	02/2004	Xã Minh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
241.	Lương Văn Đa	Trung tá	Kỹ thuật viên, Khoa Giải phẫu bệnh, Bệnh viện quân y 176	1970	01/1987	Xã Hồng Việt, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
242.	Đinh Thị Hương Giang	Đại úy CN	Điều dưỡng, Khoa Chẩn đoán chức năng, Bệnh viện Quân y 175	1983	11/2003	Xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
243.	Hoàng Xuân Trường	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Quân y 175	1985	12/2005	Xã Đức Châu, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
244.	Nguyễn Nhứt Linh	Thượng úy	Bác sĩ, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Quân y 175	1986	9/2006	Xã Thành An, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre
245.	Lê Văn Nghiêm	Trung úy	Kỹ thuật viên, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Quân y 175	1990	02/2001	Xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
246.	Nguyễn Bắc Thuận	Trung tá CN	Kỹ thuật viên, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Quân y 175	1960	12/1988	Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
247.	Nguyễn Viết Lợi	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Quân y 175	1984	9/2003	Xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
248.	Trịnh Quốc Triệu	Đại úy	Bác sĩ, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Quân y 175	1983	9/2002	Xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định



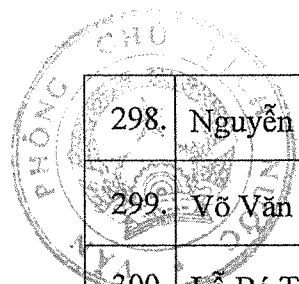
249.	Nguyễn Thị Bích Hiền	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Dinh dưỡng, Bệnh viện Quân y 175	1983	01/2007	Xã Phụ Khánh, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
250.	Nguyễn Thị Mai Loan	Trung úy CN	Y sĩ, Khoa Dinh dưỡng, Bệnh viện Quân y 175	1984	9/2005	Xã Thuận Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
251.	Trần Thị Quỳnh Giang	Đại úy CN	Điều dưỡng, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Bệnh viện Quân y 175	1983	11/2004	Xã Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
252.	Trần Văn Thịnh	Trung úy CN	Điều dưỡng, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Bệnh viện Quân y 175	1983	02/2003	Xã Hải Cường, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
253.	Phạm Thị Đan	Trung tá CN	Y sĩ, Khoa Tiếp huyết, Bệnh viện Quân y 175	1964	8/1983	Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
254.	Vũ Thị Hợp	Trung tá CN	Y sĩ, Khoa Tiếp huyết, Bệnh viện Quân y 175	1964	9/1980	Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
255.	Chu Anh Tùng	Đại tá	Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1963	10/1980	Xã Tâm Hồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
256.	Lê Thị Hồng Nhung	Đại úy CN	Điều dưỡng, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1978	02/2002	Phường Trung Sơn Trầm, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
257.	Chu Tiến Vinh	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1983	01/2006	Xã Quốc Tuấn, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng
258.	Đỗ Thị Hương	Trung tá CN	Điều dưỡng, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1976	6/2002	Xã Đặng Cương, huyện An Dương, tỉnh Nghệ An
259.	Vũ Kim Cương	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 175	1981	02/2001	Xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
260.	Dương Như Lê	Thiếu tá	Trợ lý, Phòng Chính trị, Bệnh viện Quân y 175	1984	4/2006	Xã Thạch Khê, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
261.	Cao Thế Điền	Thượng tá	Trưởng ban Tổ chức, Phòng Chính trị, Bệnh viện Quân y 175	1973	12/1992	Xã Nam Cường, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
262.	Phạm Ngọc Hà	Thượng úy	Trợ lý, Phòng Chính trị, Bệnh viện Quân y 175	1988	4/2009	Xã Việt Hưng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
263.	Bùi Thị Thúy Anh	Trung tá CN	Nhân viên, Phòng Chính trị, Bệnh viện Quân y 175	1971	01/2006	Xã Mỹ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
264.	Đào Thị Xuyên	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Tài chính, Bệnh viện Quân y 175	1978	3/2000	Xã Ninh Thành, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
265.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trung tá CN	Nhân viên, Phòng Tài chính, Bệnh viện Quân y 175	1975	3/2000	Xã Hoàng Đông, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam



266.	Lê Thị Kim Anh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Tài chính, Bệnh viện Quân y 175	1979	7/1997	Xã Hoài Hảo, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
267.	Bùi Văn Đông	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Tài chính, Bệnh viện Quân y 175	1980	12/2000	Xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
268.	Lê Thị Mỹ Hạnh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Tài chính, Bệnh viện Quân y 175	1971	12/2003	Xã Long Điền, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
269.	Nguyễn Thế Bình	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần kỹ thuật, Bệnh viện Quân y 175	1981	02/2001	Thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Thanh Hóa
270.	Lê Thanh Chung	Đại úy	Trợ lý, Phòng Hậu cần kỹ thuật, Bệnh viện Quân y 175	1982	9/2001	Xã Việt Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
271.	Nguyễn Thị Hiền	Đồng chí	Nhân viên, Phòng Hậu cần kỹ thuật, Bệnh viện Quân y 175	1974	8/1992	Xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
272.	Nguyễn Tuấn An	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần kỹ thuật, Bệnh viện Quân y 175	1983	02/2006	Xã Phú Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
273.	Nguyễn Thị Từ	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần kỹ thuật, Bệnh viện Quân y 175	1964	3/1990	Xã Thanh Bình, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
274.	Trần Trọng Thời	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần kỹ thuật, Bệnh viện Quân y 175	1983	11/2002	Xã Ân Hòa, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
275.	Phạm Ánh Hồng	Đại úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu hành chính, Bệnh viện Quân y 175	1975	01/2007	Phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
276.	Hoàng Thị Ngọc Hạnh	Đại úy CN	Điều dưỡng, Phòng Điều dưỡng, Bệnh viện Quân y 175	1982	11/2004	Xã Hoảng Châu, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
277.	Nguyễn Thị Ngọc Hương	Đại úy CN	Điều dưỡng, Phòng Điều dưỡng, Bệnh viện Quân y 175	1980	11/2004	Xã Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
278.	Nguyễn Thị Anh Thư	Thiếu tá	Trợ lý, trung tâm Huấn luyện - Đào tạo, Bệnh viện Quân y 175	1979	7/2005	Xã An Bình, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
279.	Nguyễn Thị Bích Chiên	Thượng úy CN	Nhân viên, trung tâm Huấn luyện - Đào tạo, Bệnh viện Quân y 175	1982	4/2008	Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
280.	Trần Thị Thanh Thúy	Thiếu tá	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1962	10/1980	Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
281.	Nguyễn Xuân Long	Thiếu tá	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1978	9/1999	Xã Trung Châu, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
282.	Nguyễn Thế Thanh Hà	Đại úy	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1980	8/2003	Xã Tiến Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa



283.	Đỗ Thị Thủy	Đại úy	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1986	9/2004	Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
284.	Nguyễn Thị Hoài	Thượng úy CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1984	01/2006	Xã Quảng Thuận, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
285.	Đàm Thủy Nhung	Thượng úy CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1984	12/2006	Xã Văn Tổ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
286.	Hoàng Thị Tám	Thiếu úy CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1972	6/2002	Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình
287.	Nguyễn Thị Thuần	Thiếu tá CN	Dược sĩ, Khoa Dược, Bệnh viện Quân y 175	1963	3/1980	Xã Minh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
288.	Nguyễn Thị Mừng	Thượng úy CN	Nhân viên, Khoa Trang bị, Bệnh viện Quân y 175	1970	8/2002	Xã Khánh Công, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
289.	Lê Văn Đăng	Đại úy	Trợ lý, Ban Quản lý dự án, Bệnh viện Quân y 175	1987	9/2005	Xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
290.	Trần Phạm Thị Cẩm Thơ	Đại úy CN	Nhân viên, Ban Quản lý dự án, Bệnh viện Quân y 175	1982	3/2003	Xã Hà Nam, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh
291.	Bùi Văn Tuấn	Đại úy CN	Điều dưỡng, Bệnh viện dã chiến cấp 2, Bệnh viện Quân y 175	1978	4/2002	Xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
292.	Lê Xuân Tâm	Thượng úy CN	Kỹ thuật viên, Bệnh viện dã chiến cấp 2, Bệnh viện Quân y 175	1976	02/1998	Xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
293.	Mã Mạnh Cường	Trung úy CN	Y sĩ, Bệnh viện dã chiến cấp 2, Bệnh viện Quân y 175	1980	12/1999	Xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
294.	Trần Quang Huy	Trung úy CN	Nhân viên, Bệnh viện dã chiến cấp 2, Bệnh viện Quân y 175	1983	02/2003	Xã Yên Thành, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
295.	Phạm Văn Đạt	Trung úy CN	Nhân viên, Bệnh viện dã chiến cấp 2, Bệnh viện Quân y 175	1987	10/2004	Xã Nam Thắng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
296.	Tô Xuân Ba	Trung úy CN	Nhân viên, Bệnh viện dã chiến cấp 2, Bệnh viện Quân y 175	1985	02/2005	Xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
297.	Võ Công Hải	Trung úy CN	Nhân viên, Bệnh viện dã chiến cấp 2, Bệnh viện Quân y 175	1986	10/2006	Xã Phú Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An



298.	Nguyễn Mạnh Hiệp	Trung úy CN	Nhân viên, Bệnh viện dã chiến cấp 2, Bệnh viện Quân y 175	1980	5/2006	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
299.	Võ Văn Hội	Trung úy CN	Nhân viên, Bệnh viện dã chiến cấp 2, Bệnh viện Quân y 175	1982	02/2004	Xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ
300.	Lỗ Bá Thứ	Thượng tá	Phó Chủ nhiệm Chính trị, Tổng công ty kinh tế kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	1969	3/1988	Xã Đôn Nhân, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
301.	Nguyễn Văn Quý	Trung tá	Trưởng phòng kiểm tra CLSP, Công ty TNHH MTV Cơ khí Z179, Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	1975	7/2007	Xã Hiệp An, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
302.	Vũ Hòa Tuyên	Trung tá CN	Trợ lý Kế hoạch, Công ty TNHH MTV Cơ khí Z179, Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	1966	7/2004	Phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
303.	Vũ Đức Tài	Thiếu tá CN	Trợ lý phòng Kế hoạch, Công ty VLNCN, Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	1982	12/2007	Xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
304.	Nguyễn Đình Hiền	CNVQP	Trợ lý phòng Hành Chính - Hậu Cần, Công ty TNHH MTV Vật tư Kỹ thuật CNQP, Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	1978	12/2006	Xã Hồng Vân, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
305.	Nguyễn Hồng Dân	Thượng úy CN	Nhân viên phòng KHTT1, Công ty ĐTN&XNKLD, Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	1979	8/2004	Xã Giang Sơn, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
306.	Dương Văn Tú	Trung úy CN	Lái xe, Văn phòng, Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	1983	02/2003	Xã Nguyễn Úy, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
307.	Phan Thị My	Đại úy CN	Nhân viên phòng Marketing, Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	1985	4/2005	Xã Hồng Thái, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội